



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO LÝ
Năm 2004

THỰC HIỆN DO: BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI

Ban Hướng Dẫn Viên:

- Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo
- Bác Sĩ Hiền Tài Bùi Đắc Hùm
- Hiền Tài Mai Văn Tim

PHẦN I

Chuyên Đề: TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI

Bài số 1:

"BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI"

(Hướng Dẫn Viên: HT. Nguyễn Trung Đạo)

1- ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài, được Khai minh tại Việt Nam vào ngày Rằm tháng Mười năm Bính-Dần (19-11-1926), tại tỉnh Tây Ninh, bằng huyền diệu cơ bút của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh là Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, mà người tín hữu Cao Đài thường gọi là Đức Chí Tôn. Tính theo âm lịch, vào tháng Tư năm Quý Mùi (2003), Đạo Cao Đài ở vào năm Đạo thứ 78.

Vì thấy nhân sinh quá chìm đắm trong bể khổ làm cho Đức Chí Tôn buồn lòng, nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật phải giáng trần để cứu rỗi. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 1, trang 50, Đức Chí Tôn có dạy: “Nơi Bạch Ngọc Kinh hơn 60 năm trước (tính từ năm 1926), chư Thần, Thánh, Tiên, Phật thấy đại nạn Thầy, nên ra tình nguyện hạ thế cứu đời”, và nơi trang 62 : “Thầy chưa giáng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chư Thần, Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền Đạo cùng Vạn Quốc”.

Theo Thánh Giáo thì Ôn Trên cho giáng trần 100 ức Nguyên nhơn. Những Nguyên nhơn vì bị quuyến rũ bởi mùi trần nên quên đi nguồn cội. Đức Chí Tôn mới cho các Đấng giáng trần lập Đạo để cứu rỗi.

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ chỉ độ rỗi được có 8 ức Nguyên nhơn, nên trong Tam Kỳ Phổ Độ này Đức Chí Tôn muốn tận độ hết 92 ức Nguyên nhơn còn lại, và cả những hóa nhơn và qui nhơn, trong vòng Thất ức niên (700 000 năm).

Hóa nhơn là do thú cầm tiến hóa lên thành người, và qui nhơn là do qui vị hóa kiếp. Nếu biết lo tu hành thì cả qui nhơn và hóa nhơn cũng đều có thể đắc quả.

Trong bài Kinh Thích Giáo, có đoạn nói về 92 ức Nguyên nhơn như sau :

Đạo pháp trường lưu,
Khai Cửu thập nhị Tào chi mê muội.

Câu thứ nhì có nghĩa là Đức Nhiên Đấng Cổ Phật khai hóa 92 ức Nguyên nhơn đang còn mê muội nơi cõi trần.

Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ có các Đấng sau đây giáng trần để lập Đạo :

- Đức Nhiên Đấng Cổ Phật làm giáo chủ Đạo Phật
- Đức Thái Thượng Đạo Tổ làm giáo chủ Đạo Tiên
- Đức Văn Tuyên Đế Quân làm giáo chủ Đạo Thánh.

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ có các Đấng sau đây :

- Đức Phật Thích Ca chấn hưng Đạo Phật
- Đức Lão Tử chấn hưng Đạo Tiên
- Đức Khổng Tử chấn hưng Đạo Thánh (Nho Giáo).

Đức Chúa Jésus Christ giáng sanh mở Thánh Giáo nơi Thái Tây, sau các Đấng trên khoảng 550 năm.

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, các Đấng giáng trần lập nhiều tôn giáo khác nhau ở những địa phương khác nhau, vì lúc đó phương tiện giao thông và truyền thông chưa được tiên bộ.

Cũng do có nhiều tôn giáo mà lắm khi có sự hiểu lầm giữa những người theo tôn giáo này và những người theo tôn giáo kia. Người đời còn quá mê lầm, nên mới có người ở tôn giáo này thường bài xích tôn giáo khác, và tự cho tôn giáo mình là chánh, tôn giáo kia là tà, gây nên nhiều hiềm khích chia rẽ, để rồi đưa đến nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc đau thương.

Cũng vì lý do này mà ngày nay, Thượng Đế cho mở một mối đạo gồm có những tinh túy của

các tôn giáo trên thế giới, đó là Đạo Cao Đài. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1, trang 18, Đức Chí Tôn có dạy:

“Vốn từ trước THẦY lập ra Ngũ chi Đại Đạo là :

Nhơn Đạo,
Thần Đạo,
Thánh Đạo,
Tiên Đạo,
Phật Đạo.

Tùy theo phong hóa của nhân loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì Nhơn loại duy có hành đạo nội tu phương mình mà thôi.

Còn nay thì Nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà Nhơn loại nghịch lẫn nhau ; nên THẦY mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lại nữa trước THẦY giao Chánh Giáo cho tay phàm, càng ngày lại càng xa Thánh Giáo mà làm ra Phàm Giáo. THẦY lấy làm đau đớn, hằng thấy gần trót mười ngàn năm, nhân loại phải sa vào nơi tội lỗi, mặt kiếp chôn A Tỳ.

THẦY nhứt định đến chính mình THẦY độ rồi các con, chẳng chịu giao Chánh Giáo cho tay phàm nữa”.

Người tín hữu Cao Đài tôn kính tất cả các Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần, và các Giáo chủ của tất cả các tôn giáo. Đạo Cao Đài, tức Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, được Đức Chí Tôn giao cho các Đấng sau đây chưởng quản về phần vô vi :

- Đức Quan Âm Như Lai đại diện Phật Giáo
- Đức Lý Đại Tiên Trưởng đại diện Tiên Giáo
- Đức Quan Thánh Đế Quân đại diện Thánh Giáo.

Ghi chú: Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, thì từ ức có hai nghĩa: mười vạn là một ức, một vạn vạn cũng là một ức. Như vậy:

1 ức = 100 000 (mười vạn)

Cũng có thể là: 1 ức = 100 000 000 (một vạn vạn)

2- CÁCH THỜ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đạo Cao Đài chủ trương “Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Hiệp Nhứt”. Tam Giáo là: Nho Giáo, Thích Giáo, Lão Giáo, tức: đạo Nho, đạo Phật và đạo Tiên. Ngũ Chi là: Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, và Nhơn Đạo.

Trên Thánh Tượng thờ ở Thiên Bàn nơi tư gia (Tượng Ngũ Chi) của các tín đồ Cao Đài có :

- Trên hết: Thiên Nhân tượng trưng cho Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Dưới là Nhật, Nguyệt, Tinh: Mặt trời bên trái, Mặt trăng bên phải, Ngôi sao Bắc Đẩu ở giữa (dưới ngay Thiên Nhân)
- Kế đến từ trái sang phải: Đức Lão Tử, Đức Phật Thích Ca, Đức Khổng Thánh Tiên Sư
- Kế đến từ trái sang phải: Đức Quan Âm Như Lai, Đức Lý Đại Tiên Trưởng, Đức Quan Thánh Đế Quân
- Kế đến chỉ hàng giữa: Đức Chúa Jésus Christ

- Kể đến chỉ hàng giữa: Đức Khương Tử Nha

- Sau cùng phía dưới có hình 7 cái Ngai tượng trưng cho Nhơn Đạo.

Nơi các Thánh Thất không thờ Tượng Ngũ Chi, mà Điện Tiên gồm có: trên hết là Thánh Tượng Thiên Nhân và kể đến là 9 Linh vị ghi tên của tất cả các Đấng trên Tượng Ngũ Chi (viết bằng chữ Nho), gồm có Tam Giáo, Tam Trấn, và Ngũ Chi. Riêng chỗ Đức Lão Tử, linh vị ghi là Thái Thượng Đạo Tổ (Đức Thái Thượng Đạo Quân là giáo chủ đạo Tiên trong Nhứt Kỳ Phổ Độ).

Đến Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài chiết chơn linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử, giáo chủ đạo Tiên trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Trong bài kinh Tiên Giáo xưng tụng công Đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân có câu: “Nhị ngoạn thập ngũ, phân tánh giáng sanh”).

Trong Đạo Cao Đài không có thờ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo), nhưng vào ngày Vía của Đức Ngài (22 tháng 5 dương lịch) thì có thiết Đàn làm lễ cúng, nghĩa là có Cúng mà không có Thờ. Trái lại, có thờ Đức Khương Tử Nha nhưng không có cúng, nghĩa là không có làm Lễ Vía Đức Khương Tử Nha.

Ở Tòa Thánh Tây Ninh, nơi Thờ Đức Chí Tôn và các Đấng được gọi là Bát Quái Đài. Nơi đây Thánh Tượng Thiên nhân được thay thế bằng một Quả Càn Khôn sơn màu xanh da trời, đường kính 3,3 mét (tức 33 tác là “con số biểu hiệu Tam thập tam Thiên”), trên có vẽ 3072 ngôi sao tượng trưng cho Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập nhị Địa.

Bên trong Quả Càn Khôn có chong một ngọn đèn luôn luôn cháy ngày lẫn đêm, đó là sự cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại trong Càn Khôn Thế Giới. Thiên Nhân được vẽ phía trên Sao Bắc Đẩu.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh: “Thầy giao cho con lo một trái Càn Khôn ; con hiểu gì không?...Cười...Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm ba thước ba tác, nghe con, lớn quá, mà phải vậy mớiặng, vì là cơ màu nhiệm Tạo Hóa trong ấy... Thầy kể... Thất thập nhị Địa và Tam thiên thế giới thì đều là Tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ... Tại ngôi Bắc Đẩu con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu vẽ con mắt Thầy” (TNHT.,Q1, trang45).

Trước Quả Càn Khôn có 7 các Ngai làm bằng gỗ tượng trưng cho Nhơn Đạo : Ngai trên cùng là của Đức Giáo Tông, 3 Ngai kế tiếp là của 3 vị Chứng Pháp, 3 Ngai sau cùng là của 3 vị Đầu Sư.

Trong Đạo Cao Đài, ngoài việc thờ Ngôi Dương là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn thờ Ngôi Âm là Đức Diêu Trì Kim Mẫu tức Đức Phật Mẫu. Tại địa phương, trong Điện Thờ Phật Mẫu, trên Bàn Thờ Long vị viết chữ nho :

- Chính giữa, chữ lớn hơn: “Diêu Trì Kim Mẫu”

- Bên hữu (trong ngó ra): “Cửu Vị Tiên Nương”

- Bên tả (trong ngó ra): “Bạch Vân Động Chư Thánh”

Chúng ta thấy cũng có đủ Tam Giáo là: Phật, Tiên, Thánh.

Tại Trung Ương, trong Nội Ô Tòa Thánh, Báo Ân Từ được tạm dùng để thờ Đức Phật Mẫu trong khi chưa đủ khả năng xây dựng Điện Thờ Đức Phật Mẫu. Căn cứ vào sự tích vua Hớn Võ

Để nhờ sự giúp đỡ của ông Đông Phương Sóc (một vị tiên đắc đạo tại thế) mà được Đức Phật Mẫu giáng trần ban cho cho 4 quả đào tiên, Đức Hộ Pháp dạy đắp tượng thờ Đức Phật Mẫu như sau :

- 1) Trên hết là chơn dung Đức Phật Mẫu cõi Thanh loan, tức là con chim loan màu xanh.
- 2) Kế đó đắp 9 pho tượng của Cửu vị Nữ Phật.
- 3) Đắp thêm 4 pho tượng 4 vị Nữ nhạc theo hầu Đức Phật Mẫu.
- 4) Pho tượng ông Tiên Đông Phương Sóc quì bưng bằng hai tay một cái đĩa, nâng lên khỏi đầu, trên đĩa có 4 quả đào tiên do Đức Phật Mẫu ban tặng. Ông Đông Phương Sóc quì bên hữu Đức Phật Mẫu.
- 5) Pho tượng Đức Cao Thượng Phẩm quì trước sân Hoa Điện.
Trong khuôn tượng, đắp lên một cảnh chùa cổ tự, kiểu xưa gọi là Hoa Điện”.

Ghi Chú : Theo lời Đức Hộ Pháp thì vua Hớn Võ Đế và Đức Cao Thượng Phẩm có cùng một nguyên căn (cùng một tiền kiếp) là Đại Tiên Hớn Chung Ly trong Bát Tiên.

Sự việc Đạo Cao Đài thờ Hai Ngôi, Ngôi Dương và Ngôi Âm, với đầy đủ nghi tiết và kinh kệ, mỗi ngày cúng đủ 4 thời, là một hình thức vô cùng mới mẻ về phương diện Giáo lý và Triết lý mà các Tôn Giáo chưa từng có. Đó là một trong nhiều lý do để Đạo Cao Đài xứng đáng là một Tân Tôn Giáo và là một nền Đại Đạo.

- Tòa Thánh và các Thánh Thất dùng để thờ NGÔI DƯƠNG là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- Điện Thờ Phật Mẫu dùng để thờ NGÔI ÂM là Đức Diêu Trì Kim Mẫu.

3- LỜI MINH THỆ

Bước đầu tiên để một người thường trở thành Tín đồ Cao Đài là phải nhập môn cầu Đạo. Đây là một nghi lễ hữu hình nhưng có giá trị tâm linh rất quan trọng. Người xin nhập môn phải quì trước Bàn Thờ Đức Chí Tôn và nói lên lời minh thệ như sau:

Tôi tên là (Họ, chữ lót và tên) ..., ... tuổi

“Thề rằng : Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế, chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài, như sau có lòng hai thì Thiên tru Địa lục”.

Lời Minh thệ trên gồm có 36 chữ có in trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 17. Người Tín đồ Cao Đài giữ trai kỳ 10 ngày mỗi tháng thì khi quì vị sẽ được hưởng trọn vẹn Kinh Tận Độ và được làm Phép Xác để tẩy trừ Chơn thân, và Chơn thân được Độ Thăng để đưa lên cõi Hư linh mà hưởng nhiều ân huệ.

Tín đồ được đối phẩm với Địa Thần.

GHI NHỚ : Con số 36 là bội số của 12, số 12 là số riêng của Đức Chí Tôn. Bước vào của Đạo, người Tín đồ Cao Đài đọc lời minh thệ với 36 chữ. Khi đã lập đủ công đức, công viên quả mãn, Linh hồn được lên 36 tầng Trời để đến bái lễ Đức Chí Tôn. Trong bài Kinh Khi Đã Chết Rồi có ghi:

Ba mươi sáu cõi Thiên Tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hư.

... ..
Tiên phong Phật cốt mỹ miều,
Vào Kinh Bạch Ngọc lễ triều Chí Linh.

@ **Bát Quái** tức Bát Quái Đài là tòa nhà cao lớn nơi cõi Thiêng Liêng, có 8 cạnh đều nhau, là

nơi ngự của Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật, dưới quyền chưởng quản của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Trong bài Kinh Đệ Tứ Cửu có ghi:

Cửa lầu Bát Quái chun ngang,
Hỏa Tinh Tam Muội thiêu tàn oan gia.

@ **Ngọc Hư** tức Ngọc Hư Cung, ở tầng Trời Hư Vô Thiên, là nơi họp triều đình của Đức Chí Tôn, cầm quyền cai trị toàn cả Càn Khôn Vũ Trụ.

@ **Bạch Ngọc Kinh** là tòa nhà to lớn làm bằng ngọc trắng, ở tại trung tâm của Càn Khôn Vũ Trụ, là nơi thường ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Trong bài Kinh Nhập Hội có ghi :

Trên Bạch Ngọc Chí Tôn cao ngự
Giữa Tây Phương nắm giữ Thiên Điều
Dưới Ngọc Hư, kể bao nhiêu
Thiênng Liêng các Đấng lập triều trị dân.

4- HAI BƯỚC TÍN ĐỒ

Theo điều thứ 12, Chương II của Tân Luật Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, người nhập môn vào Đạo rồi thì được gọi là Tín đồ. Trong hàng Tín đồ có hai bậc :

- **Hạ Thừa.**- Hạ thừa là bậc còn ở thế, có vợ chồng làm ăn như người thường , song buộc phải giữ trai kỳ hoặc 6 hoặc 10 ngày trong mỗi tháng, phải giữ Ngũ giới cấm và phải tuân theo Thể luật của Đạo truyền ra.

- **Thượng Thừa.**- Thượng thừa là bậc đã giữ trường trai, giải sát và Tứ đại Điều qui.

5- NGŨ GIỚI CẤM & TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI

***Ngũ Giới Cấm.**- Tân Luật của Đạo Cao Đài, chương IV, điều thứ 21 về Ngũ giới cấm có thể tóm lược như sau :

1. Nhứt bất sát sanh, là chẳng sát hại sinh vật.
2. Nhì bất du đạo, là cấm trộm cướp, làm hại cho người mà lợi cho mình.
3. Tam bất tà dâm, là cấm lấy vợ hoặc chồng người, thấy sắc dậy lòng tà.
4. Tứ bất tửu nhục, là cấm say mê rượu thịt làm rối loạn tâm thần.
5. Ngũ bất vọng ngữ, là cấm xảo trá láo xược, khoe mình bày lỗi người, chuyện phải thêu dệt ra quấy, xúi giục người hờn giận lẫn nhau.

***Tứ Đại Điều Qui.**- Tân Luật của Đạo Cao Đài, chương V, điều thứ 22 dạy về Tứ Đại Điều Qui như sau :

1. Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hỏ chịu cho bậc thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lờ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.
2. Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng

nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người hiền.

3. Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vai không trả. Đối với trên, dưới đừng lòn dẽ, trên dạy dưới lấy lẽ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4. Trước mặt sau lưng cũng đồng một bọc, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngồi xem không để lời hòa giải. Đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên để dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

6- PHẢI ĐI THÁNH THẤT MỖI THÁNG 2 LẦN

Các tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái ; như là đối với Đạo Cao Đài, sự lễ bái cúng kiếng được xem là quan trọng hàng đầu. Thất Nương Diêu Trì Cung có dạy: “ Lễ bái thường hành tâm đạo khởi”.

Tân Luật, điều thứ 19 qui định rằng: “ Một tháng hai ngày Sóc, Vọng bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy. Trừ ra ai có việc được chế”

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyên, quyển 2, trang 87, Đức Quan Âm Bồ Tát có dạy quý vị Chức sắc Tiên khai là phải cúng thường xuyên để cho :

“- **Một là** lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạng.

- **Hai là** cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- **Ba là** có tế lễ thì tâm phải cảm, cảm rồi phải ứng, ứng là lẽ tự nhiên.

- **Bốn là** tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà như là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ.”

Bát Nương Diêu Trì Cung cũng có dạy là “những vị nào trong lúc ngày xuân biết lo phụng sự Thần, Thánh, Tiên, Phật thì công đức đặng xấp bằng hai lần ngày thường” (TNHT, Quyển 2, trang 7).

TÂN LUẬT:

Thế Luật, điều 14 : Trong bốn đạo xây có người mãn phần, qui vị thì chư tín đồ trong họ phải chung cùng đến giúp và chia buồn với tang chủ.

Thế Luật, điều 18: Việc cầu siêu cho vong linh trong Tuần Cửu Cửu, và đến lúc Tiểu, Đại Tường, thì do nơi Thánh Thất sở tại mà cầu Lễ. Bốn Đạo trong Họ, nếu có mời, phải đến mà cầu nguyện.

HẾT

Chuyên Đề: TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI

BÀI ĐỌC THÊM số 1

Thánh Ngôn dạy về NGŨ GIỚI CẨM

*(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q.2, 1964, trg. 62-66, Hội Thánh giữ Bản quyền or/Quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển do Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản tại Hoa Kỳ lần thứ nhứt năm Tân Tỵ - 2001, trg. 207-212, Quyển 2)

(Đàn Cơ năm Mậu Thìn -1928)

THẦY, các con

BÁT SÁT SANH

Thầy đã nói với các con rằng: khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực.

Thầy phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng, mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh.

Các con đủ hiểu rằng:

“Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.

Cái sống của cả chúng sanh, Thầy phân phát khắp Càn Khôn Thế Giới, chẳng khác nào như một nhánh hoa trong cội, nó phải đủ ngày giờ Thầy nhứt định mới trở bông và sanh trái đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm; nếu như ai bẻ hoa ấy nửa chừng thì là sát một kiếp sanh không cho biến hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu Nguyên sanh hay Hóa sanh cũng vậy, đến thế này lâu mau đều định trước, nếu ai giết mạng sống, đều chịu quả báo không sai; biết đâu là cái kiếp sanh ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời ấy.

Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ, các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy.

THẮNG

(Đàn Cơ năm Mậu Thìn -1928)

THẦY, Các con

BÁT DU ĐẠO

Ôi! Thầy sanh các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến Thế giới này với một thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, các con lại không chịu, nghe điều cấm dỗ mê luyện hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, đục quyền cầu lợi.

LỢI, Thầy cũng đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau mà cũng vì tham, đũa chứa nhiều, đũa chịu đói.

QUYỀN, Thầy cũng ban cho các con in như Thầy đã ban cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho đủ thể kèm thúc lấy nhau đặng giữ vẹn thánh chất yêu sanh của Thầy, mà quyền ấy trở nên một cơ thể buộc trôi nhơn sanh trong vòng tội mọi.

Oi! tham thay! Cái thất vọng của Thầy nên ghê gớm, các con có hiểu vì sao mà cả nhơn sanh gian tham chẳng?

Thì cũng muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế lợi lộc đó, vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ sanh nơi thế này lánh khỏi.

Muốn cho đăng quyền hành ấy thì làm thế nào?

Dùng hết mưu chước qui quyệt, thâm đoạt cho đăng lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hỗn độn, tranh tranh, đấu đấu, giựt giựt, giành giành, gây nên mối loạn, nhờn loại nghịch lẫn nhau, giúp cho phép tà quyền mạnh hơn, yếu thiệt, mất phép công bình thiên liêng tạo hóa; cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra.

Vậy gian tham đã thâm nhập vào lòng, thì lòng hết đạo đức.

Tham gian nhập vào nhà, thì nhà không chánh giáo.

Tham gian đã nhập vào nước, thì nước hết chơn trị.

Tham gian đã lộng toàn thế giới, thì thế giới hết Thánh Thần,

Thầy không nói sự gian tham có thể giục các con lỗi Đạo cùng Thầy mà bị lăm điều tội lỗi. Ấy là gian tham là trọng tội.

THĂNG

(Đàn Cơ năm Mậu Thìn -1928)

BÁT TÀ DÂM

VÌ SAO TỘI “TÀ DÂM” LÀ TRỌNG TỘI?

Phàm xác thân con người tuy mắt phàm coi thân mình như một, chớ kỳ trung nơi bản thân vốn một khối chất chứa vắn vắn, muôn muôn, sanh vật.

Những sanh vật ấy cấu kết nhau thành khối vật chất có tánh linh, vì vật chất nuôi nấng nó cũng đều là sanh vật, tỹ như: rau, cỏ, cây, trái, lúa, gạo, mọi lương vật đều cũng có chất sanh.

Nếu không có chất sanh, thì thế nào tươi tắn đặng mà chứa sự sống, như nó khô rũ thì là nó chết, mà các con nào ăn vật khô héo bao giờ. Còn như nhờ lửa mà nấu thì là phương pháp tẩy trược đó thôi, chớ sanh vật bị nấu chưa hề phải chết.

Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết, chẳng cần nói, các con cũng biết cái chơn linh khí huyết là thế nào? Nó có thể hườn ra nhờn hình mới có sanh sanh, tử tử, của kiếp nhờn loại.

Vì vậy mà một giọt máu là một khối chơn linh, như các con đâm quá độ, thì sát mạng chơn linh ấy.

Khi các con thoát xác, thì nó đến tại Nghiệt Cảnh Đài mà kiện các con, các con chẳng hề chối tội đặng. Phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm.

THĂNG

(Đàn Cơ năm Bính Dần - 18-1-1927)

BÁT ẨM TỬU

VÌ SAO PHẢI “GIẢI TỬU”?

Thầy đã dạy rằng: thân thể con người là một khối chơn linh cấu kết, những chơn linh ấy là đều hằng sống, phải hiểu rằng: ngũ tạng, lục phủ, cũng là khối sinh vật mà thành ra, nhưng phận sự chúng nó làm, thăng hiểu biết hay là không hiểu biết, đều do nơi mạng linh Thầy đã phán dạy.

Vậy Thầy lấy hình chất xác phàm các con mà giảng dạy. Trước Thầy nói vì có nào rượu làm hại cho thân thể con người về phần xác.

Hình chất con người vẫn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống, như rượu vào tỳ vị, nó chạy vào ngũ tạng lục phủ hết, thì trái tim con người chẳng khác nào như cái máy chánh để trừ sự sống, cũng phải bị thâm nhập vào làm cho sự lao động quá chừng đổi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch phải vận động một cách vô chừng, mà làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết tinh sanh cho đặng, trước huyết ấy thôi lại cùng trong thân thể, để vật chất ô trược vào trong sanh vật, mỗi khối ăn nhấm phải bệnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt tủy lần lần phải chết, thì thân thể các con phải bị chết theo.

Nhiều kẻ phải bị chết nửa thân mình vì rượu, nên ra đến đỗi.
Thầy dạy về cái hại của phần hồn các con.

Thầy nói cái chơn linh là nhị xác thân các con, là khí chất (le sperme), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ, nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con.

Khi luyện thành Đạo đặng hiệp một với khí, rồi mới đưa thấu đến chơn thần, hiệp một mà siêu phàm nhập thánh.

Vậy thì óc là nguồn cội của khí, mà óc cũng bị huyết vận động vô chừng, làm cho đến đỗi loạn tánh đi, thì chơn thần thể nào đặng an tịnh điều khiển, thân thể phải ra ngây dại, trở lại chất thú hình, mất phẩm nhơn loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Lại nữa buổi loạn thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải chịu phạt luân hồi muôn kiếp.

Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à!
THANG

(Đàn Cơ năm Mậu Thìn -1928)

BÁT VONG NGŨ

TẠI SAO CẤM “VONG NGŨ”

Thầy đã nói rằng nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn.

Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: đáng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các đấng trợn lảnh nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lảnh và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng cho Tòa phán xét, bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả; lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải giữ gìn các con mà thôi, mà con dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi là “lộn lương tâm” là đó.

Bởi vậy Chư Hiền, chư Thánh Nho nói rằng: “Khi nhơn tức khi tâm”
“Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã”.

Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh.

Thầy đã nói chơn linh ấy đem nạp vào Tòa phán xét từ lời nói của các con, dầu những lời nói ấy không thiệt hành mặc dầu, chớ tội hình cũng đồng một thể.

Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.

Các con khá nhớ!

THĂNG_____

Bài Đọc thêm số 2

NGŨ GIỚI CẤM

(Bản dịch sang Anh Ngữ - HT. Bùi Đắc Hùng)

THE FIVE PRECEPTS

The Year of the Earth Dragon (1928)

Children, your Master proclaims:

DO NOT KILL LIVING BEINGS

I have told you that when there was nothing in this universe, the cosmic ether gave birth only to Me, and My throne is the universal monad. I divided the monad into the diad which is Yin and Yang and then into the tetrad and then into the eight trigrams. The latter changes continuously to form the universe. I then divided My spirit to create ten thousands things that consist of materials, plants, insects, and animals called living beings.

You should understand that everything comes from My spirit. Wherever there is life, there I am. I am the father of life. My love of life is unfathomable. Life is for all living beings. I distribute life everywhere in the universe. Life grows like a flower on a tree. It takes time to develop, to bloom, and to form fruit that we can use to grow another tree and so on. If someone cuts that flower, the life of that flower is interrupted and its further evolution is prevented.

Each life has its own Karma. It does not matter whether it is an original or secondary living being,* its life on this earth is already predetermined. If you kill any living being, you are to be punished because no one knows whether that living being may have been an immortal or a buddha reincarnated to earth. As I said, life is Me. To destroy life is to attempt to destroy Me. And it is not easy to destroy Me. Teach that to human beings.

I take My leave

* Original living being: living being whose spirit is directly coming from God's spirit.

Secondary living being: living being whose spirit is coming from the original living being. The original living being may divide his/her spirit to form many living beings who are called secondary living beings.

TNHT 1972 p. 170

The Year of the Earth Dragon (1928)

Children, your Master proclaims:

DO NOT CHEAT.

Alas! When I gave birth to you, I loved and respected you profoundly, and I sent you to this world with a sacred body made exactly in My image, so that you did not need to eat in order to live, or to make clothes to cover yourself.

However, you did not listen to Me and were seduced by materials, good foods, sex, power, and wealth which ultimately lead to suffering in this world. I reserved enough wealth for all of you to share, but because of greed, some of you received much, while others suffer hunger.

I granted the same powers to you that I granted to the Genies, Saints, Immortals, and Buddhas so that you can

discipline each other to respect and honor My saintly love of life. Unfortunately, these powers have become a tool to treat people as slaves. Alas! What a tragedy! I am so disappointed! Do you know why all people become so dishonest and greedy?

The principal needs of people are food and clothing--no one can avoid those needs. Unfortunately, many people want to have an exclusive power of distributing foods and clothes. How do they acquire those powers? People use all manner of wicked tricks to get as much powers and wealth as possible. Society is therefore becoming chaotic with struggle and fighting to acquire things. The stronger acquires everything, the weaker loses everything. There is no justice this way. God's law is not observed anymore. This is the cause of all suffering on earth.

When dishonesty and greed penetrate your heart, there will be no more virtue. When they penetrate your home, there will be no more right teachings. When they penetrate your country, there will be no more right administration. When they penetrate the world, there will be no more Genies and Saints.

Needless to say, dishonesty and greed can make you commit sins and crimes. Therefore, dishonesty and greed are severe crimes.

I take My leave.

TNHT 1972 p. 171

Year of the Earth Dragon (1928)

Children, your Master proclaims:

DO NOT BE OBSCENE.

Why is obscenity a severe crime?

Ordinary people see the physical body as a single unit. In reality, it is a mass of innumerable living parts. These living parts are assembled to form a body with a divine personality. This body is nourished with other living beings such as vegetables, plants, fruits, rice--all of which are fresh and contain vital matter (because all these foods are living beings). If these foods did not contain fresh, vital matter, they would certainly simply wither and die.

Thus, you would never eat things whose nutrients are already wasted. Cooking simply disinfects foods. The nutritional energy of these foods does not die after being cooked.* Foods are then transformed in your gastrointestinal system into "Khi" (vital energy), and then into blood. Of course, you all know that there is spiritual energy in "Khi" and in blood. It is transformed into a human body as a result of the cycle of death and birth. Therefore, even a drop of blood has a certain amount of spiritual energy.

Since sexual "Tinh" (lifematter) is composed partly of blood and partly of "Khi," excessive sexual activity thus causes an unnecessary waste of Tinh and therefore of spiritual energy. After your death, you will be confronted with and judged by this spiritual energy, and the manner in which you wasted it, at the "Nghiet Canh Dai."** You will not be able to deny how you wasted your spirit. So, you should observe this precept closely.

I take My leave.

* Foods change only in form during the process of digestion and absorption. Foods do not die after being cooked or digested because they constitute elements comprised of atoms. Atoms are not destroyed--they only change their arrangement, form and purpose.

** "Nghiet Canh Dai" is a place in the spiritual world where the spirits, after the death of their physical body, will see all the good and bad deeds that they has done during their physical lifetime.

TNHT 1972 p. 172

January 18, 1927. Year of the Fire Tiger.

DO NOT DRINK ALCOHOL.

Why abstain from alcohol?

I have taught that your body is composed of a mass of everlasting spirits. You should understand that the internal organs of your body are also formed by living units whose function, whether they are aware of or not, is commanded by

Me. I therefore use your body to teach.

Firstly, let's explain why alcohol is harmful to your physical body. Your physical body is still like animal and needs to eat in order to live. When alcohol is ingested, it is absorbed into all internal organs of your body including the heart which is the main machine for life. It makes your heart work more than naturally, it pushes the whole cardio-vascular system to function excessively, and the lungs do not have enough time to purify dirty blood (to oxygenate blood) which will be accumulated in the whole body, intoxicate the living units leading to progressive sickness and finally to demise of the living units of the organs and then of your body. Many people had half of their body dead just because of alcohol.

Secondly, I explain why alcohol is harmful to your spirit.

I said that the soul forms your second body. It is the "khi" which surrounds your body like a mold. Its center is the brain, the gate by where your second body enters or gets out is the fontanelle on top of the head which is watched and protected by the Ho Phap. With meditation, there is unification of The "Tinh" and the "Khi" and the "Than" leading to enlightenment.

The brain is thus the origin of the "Khi." When dirty blood is accumulated in the brain, it becomes confused and your spirit is not clear and calm to control the body. The body will lose its human personality and act like animals, and will have no hope to progress to the state of Genie, Saint, Immortal, and Buddha. At the same time, when the brain is confused, it becomes an open gate, the evil will take advantage to invade you and push you into crimes and subsequently into continuous reincarnation. Therefore, listen, I forbid you to drink alcohol!

TNHT 1972 p. 173

Year of the Earth Dragon (1928)

Children, your Master proclaims:

DO NOT SIN BY WORD

Why is lying forbidden?

I have said that I have set up a spirit in your physical body that protects your life. Of course, you all know that this spirit is impartial and can communicate with the Genies, Saints, Immortals, Buddhas, and Superior Spirits of the Ngoc Hu Cung (Cabinet of God) and can record all of your good and bad deeds. They then transmit this record to the Celestial Judgment Court. All will be recorded there, whether good or bad.

(side note: so this is like the akashic records of a soul)

Moreover, this holy spirit not only has a duty to protect you, but to educate you as well through what most human beings describe as the "conscience." Thus, Confucian Saints have said: "One who despises people despises one's own heart. God has determined that this is a crime from which there is no escape." When you lie to people, you first lie to yourself, to your own conscience, and thus to your own spirit (which is a part of God).

As I said, this spirit will submit your every word to the Celestial Judgment Court--and even though you may never have acted on your words, you will be punished for them just the same, because the effect on the spirit (and therefore on God) will have been the same. Therefore, at the Judgment Court, none of your words will be omitted. This is why I have instructed you to be careful in your words and your virtues. You should be twice as careful in your speech as in your actions, because the punishment for morally wrong speech is the same as punishment for morally wrong actions.

It would be wise for you to remember this.

I take My leave.

TNHT 1972 p. 174

HÉT

Chuyên Đề: TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI

BÀI ĐỌC THÊM số 3:

" GIỚI "

* Tác-giả: HT. Lê văn Thêm.
(Gia tri Tham khảo)

Giới đã được nhiều vị Chức Sắc và đồng đạo đề cập đến. Phần trình bày này chỉ xin được góp ý thêm nhằm hỗ trợ nhau trên bước đường phát triển tâm linh để cùng đồng đạo tiến tu. Do đó, nếu có điều chi sơ sót, kính xin quý vị thức giả cao minh hoan hỉ lượng thứ.

Bài viết về giới gồm có hai phần:

- Phần thứ nhất liên quan đến tầm quan trọng của giới.
- Phần thứ hai xin được lạm bàn đến những nét vi tế về giới.

PHẦN I: TẦM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI

1- Giới là nền tảng căn bản của Đạo để dạy tín đồ tu hành, nghĩ thiện làm lành, quan trọng nhất là không tạo nghiệp. Chính nghiệp là động cơ dẫn dắt luân hồi.

2- Giới đối với người tu cũng như nền nhà đối với ngôi nhà. Muốn cho ngôi nhà càng bền càng cao thì nền nhà phải thật vững chắc. Người tu cũng vậy. Muốn tránh khỏi sinh tử luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, trước tiên phải giữ gìn giới, giống như trước khi muốn cất nhà phải xây nền nhà thật vững chắc vậy.

3- Giới gồm những tín điều về đức hạnh, là giáo pháp tiên khởi mà tín đồ của bất cứ tôn giáo nào cũng phải hành trì trước khi muốn tiến xa hơn nữa trên bước đường chuyển hoá tâm thức hay phổ độ.

4- Giới là nấc thang lập cước, nấc thang đầu lập phước đức để bước lên các bậc thang công đức. Bất cứ khách trần nào, cư sĩ hay tu sĩ, thuộc bất cứ tôn giáo nào, một khi đã bước vào đường tu thì trước nhất phải lấy giới làm căn bản.

Người tu nếu không giữ giới thì dù tu pháp môn nào vẫn không có nền tảng vững chắc. Công tu dù có nhưng chứng quả sẽ không, và dù có đi phổ độ như sanh, có hành pháp gì thì cũng không làm sao diệu dụng được.

Có nhiều người tu nghĩ rằng mình đã giữ tròn ngũ giới vì không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Cũng có nhiều vị hành hạnh phổ độ nghĩ rằng ngoài việc giữ gìn ngũ giới, mình còn hành Tam-Tụ Giới, tức đã giữ tròn Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiêu Ích Hữu Tình Giới, nghĩa là đã ngăn dứt không còn làm những điều ác, chỉ làm các điều thiện và làm lợi ích cho nhân sanh qua con đường phổ độ.

Hai cách nghĩ trên đây về tổng thể tức về phần thô thì có đúng. Dù vậy, nếu đi vào chi tiết quán xét phần vi tế thì vẫn còn nhiều điểm cần ghi nhận.

I.- GIỚI VÀ LUÂN-HỒI:

Luân hồi trong giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và giáo lý nhà Phật có cùng chung một ý nghĩa. Luân hồi là tái sinh trong lục đạo khác với giải thoát.

Nói đến nhân quả, nghiệp báo, luân hồi, nhiều người cho rằng đây là giáo lý của đạo Phật, một trong những đặc trưng để phân biệt đạo Phật với các đạo khác. Sự thật không phải như vậy. Các thuyết nhân quả nghiệp báo, luân hồi thực ra đã có trước khi Thái Tử Tất Đạt Đa trở thành đấng giác ngộ

Thật vậy, kể từ thuở xa xưa, nhiều ngàn năm trước khi Đức Phật Thích Ca thành đạo hay Đức Chúa Giê-Su giáng sanh, giáo thuyết nhân quả, nghiệp báo, luân hồi đã xuất hiện trên khắp năm châu.

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ các nước Bắc Âu, Tây Âu và Đông Âu đến các nước cổ Ai Cập, Phi Châu, Mỹ

Châu, Úc Châu và nhất là Á Châu, thuyết nhân quả, nghiệp báo, luân hồi được rất nhiều sắc dân, nhiều quốc gia, nhiều người tin tưởng. Bằng chứng là cho mãi đến ngày nay, giáo thuyết này vẫn còn ghi trong bộ Cổ Thư Luật Mã Nỗ nổi tiếng của Ấn Độ đã có trên 4.000 năm trước Tây Lịch

Ngày nay thuyết nhân quả luân hồi chẳng những được các tôn giáo và các nhà tâm linh thuyết giảng, mà cả giới khoa học, học giả cũng có lòng tin. Lòng tin đó căn-cứ vào những chứng nghiệm hoàn toàn khoa học, thực hiệu tại nhiều quốc gia trên thế giới, kể cả Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ 20, bởi nhiều nhà Khoa bảng và khoa học, trong đó đáng kể nhất là công trình nghiêm cứu của bác sĩ Ian Stevenson.

Ian Stevenson vừa là bác sĩ vừa là giáo sư chuyên khoa tâm thần tại Hoa Kỳ. Ông đã bỏ nghề đang kiếm được nhiều tiền đi khắp nơi trên thế giới, nghiên cứu thực nghiệm về luân hồi.

Qua hơn 10 năm thực nghiệm, phỏng vấn, quan sát tại chỗ, ông viết nhiều bộ sách giá trị, trong đó có các bộ Cases of Reincarnation Type (4 tập), Twenty cases suggestive of Reincarnation và Children who remember previous lives, tất cả đều do University Press của đại học Virginia xuất bản.

Hiện nay, vấn đề luân hồi tại Hoa Kỳ đã đi vào đại học và đạo học cộng đồng, là môn nhiệm ý hay bắt buộc tùy một số phân khoa như phân khoa triết học, tâm lý, nghiên cứu xã hội, giáo dục, tôn giáo.

Báo chí Hoa Kỳ đã có bàn đến luân hồi và các cuộc hội thảo của giới khoa học, học giả cũng thường được tổ chức. Gần đây, theo cuộc thăm dò của Viện Gallup thì ngày nay gần 50 triệu người Mỹ trưởng thành tin rằng có nghiệp báo luân hồi.

Vậy, vấn đề luân hồi là hiển nhiên. Như vậy, muốn tránh khỏi luân hồi, hay nếu còn bị luân hồi chi phối thì ít nhất phải tránh khỏi ba ác đạo, người tu phải làm thế nào?

Cách tốt nhất để tránh luân hồi và ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người tu phải giữ tròn ngũ giới.
Có câu: “Ngũ giới bất tri, thế gian lộ tiệt.”

Nghĩa là không hành trì ngũ giới thì bước đường tái sanh chuyển kiếp làm người sẽ gặp rất nhiều trở ngại. Người phạm giới sẽ mất kiếp người nếu phạm nặng. Còn nếu phạm nhẹ, thí dụ thuộc vào loại bất định nghiệp, thì dù có trở lại được kiếp con người, đương cơ cũng phải chịu tội nguyên hay hèn kém, đó là để trả quả.

Trong nhà Phật có câu:

“Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ thị giả;
Dục tri lai thế quả, kim sanh tại thị nhân”.

Nghĩa là muốn biết kiếp trước ta đã gieo nhân gì, thì cứ xem kiếp này ta như thế nào; và muốn biết tái kiếp ta sẽ ra sao thì cứ xem nhân mà ta gieo tạo ở kiếp này. Như vậy giáo lý nhân quả hay nghiệp báo, luân hồi là chân lý. Gieo nhân nào gặt quả đó, trồng dưa hái dưa, trồng đậu hái đậu là lẽ đương nhiên.

Đã biết triết lý nhân quả, hay giáo lý nghiệp báo luân hồi là hiển nhiên, là chân lý, người tu nên cố gắng làm thiện làm lành.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, tại phẩm Nghi Vấn, Lục Tổ Huệ Năng có nói:

“Này thiện tri thức, thường làm mười điều lành thì Thiên Đường liền đến”,

Có nghĩa nếu người tu hành trì Thập Thiện viên mãn thì chắc chắn sẽ được siêu thăng “chín tầng Trời đến vị”, mà đến tầng nào, thấp hay cao, đó còn tùy cách tu và công tu mà chứng đắc.

Cũng vậy, nếu chưa hành trì được thập thiện mà còn muốn kiếp sau được tiếp tục tu, điều cần thiết là người tu phải giữ gìn Ngũ giới, để kiếp sau còn có thể giữ lại được kiếp làm người mà tu.

Làm được kiếp con người, nói khác hơn đắc được nhơn thân trong luân hồi chuyển kiếp là một điều rất khó.

Bài Giới-Tâm Kinh, thuộc Thiên Đạo có nói rất rõ:

“Để gì lộn kiếp được làm người,
May đặng làm người chớ dễ duôi.
Lành dữ hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng dữ tợ hoa tươi.
Hoa tươi tòng bá khác nhau xa,
Tòng bá xơ rợ kém sắc hoa.
Gặp tiết đông thiên sương tuyết buả,
Chỉ còn tòng bá chẳng còn hoa.”

Cũng với ý nghĩa này, Đức Chí Tôn trong đàn cơ ngày 19-12-1926 có dạy “Loài người phải chịu chuyên kiếp ngàn năm muôn lần mới đến địa vị nhơn phẩm”

Ngoài ra, hằng ngày chúng ta cúng tứ thời và nhiều khi tụng Di Lạc Chơn Kinh. Vậy Kinh Di Lạc trước tiên dạy ta như thế nào?

Kinh nói:” Khai kinh kệ vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ, ngã kim thỉnh văn đắc thọ trì, nguyện giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa”.

Bá là một trăm, thiên là một ngàn, vạn là mười ngàn, kiếp là một kiếp làm người; nan tao ngộ là khó gặp được.

Toàn thể câu” bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ” có nghĩa là cả trăm kiếp, cả ngàn kiếp, cả mười ngàn kiếp hay cả tỉ kiếp (nếu ba chữ bá thiên kiếp cộng lại) ta đã không có dịp gặp kinh này để tụng đọc.

Mà đọc đây là ai đọc? Đó phải là bậc nhơn phẩm mới đọc được; chớ nếu còn ở A-Tỳ hay làm ngựa quỳ, súc sanh thì làm sao đọc được. Nói như thế có nghĩa là trước đây hoặc cả trăm, cả ngàn, cả vạn, cả tỉ kiếp ta đã đánh mất kiếp làm người, hoặc không gặp Đạo, do đó ta mới không tụng được kinh này.

Ngày nay đắc được nhân thân và gặp Đạo quả là ta đã trải qua một hành trình đầy gian khổ và lâu dài. Chính vì lý do đó ta chớ nên đánh mất kiếp làm người của ta nữa. Một khi đã đánh mất rồi biết bao giờ mới tìm lại được.

Nhiều khó khăn lắm! Với nỗi khó khăn này, trong Đạo Phật cũng có câu nói như sau:
“Thiên niên khô thọ khai hoa dị,
Nhứt thất nhơn thân vạn kiếp nan phùng”.

Nghĩa là cây khô ngàn năm mà trở được hoa còn dễ, chớ một khi đánh mất nhơn thân này rồi thì biết bao giờ mới tìm lại được.

Để chứng giải hai câu nói trên, trong giáo lý nhà Phật có câu chuyện như sau:

Một hôm Tổ Bá Trượng, một vị Tổ Thiền Tông đang đàn thuyết pháp. Sau khi thuyết xong, tất cả tăng chúng lui ra. Duy chỉ có một cụ già ngồi lại mãi không về. Tổ thấy lạ bèn đến hỏi và cụ già thưa rằng:

-Thưa ngài, tôi không phải là người. Tôi là Giả hồ tinh.

Tổ Bá Trượng hỏi lý do, cụ già thưa:

-Thưa ngài, tôi trước đây cũng là một tỷ kheo trụ trì. Nhân một hôm có người đến hỏi: người tu cao có còn bị nhân quả không? Tôi trả lời không. Do đó Đức Thế Tôn bảo rằng tôi phỉ báng Phật vì Phật không có nói như vậy. Chính vì lý do này mà tôi bị phạt làm chồn 500 kiếp. Kính xin ngài gia ân cứu độ tôi.

Tổ Bá Trượng bảo: Vậy ông cứ hỏi lại ta đi, ta sẽ vì ông mà nói.

Ông già đặt câu hỏi và Tổ Bá Trượng trả lời rằng:

Người tu cao không làm nhơn quả

Nghe đến đây cụ già ngộ và thoát được kiếp chồn. Cụ già xin Tổ cho tăng chúng chôn giùm xác chồn của cụ ở trong hang động phía sau chùa với nghi lễ của một tu sĩ.

Câu chuyện trên đây cho thấy chỉ cần một lời nói sai mà phải bị đọa làm thú năm trăm kiếp, cho đến khi tỉnh ngộ mới trở lại được kiếp làm người.

Như vậy, được kiếp làm người rất khó và rất lâu. Nay ta đã được kiếp làm người, ta nên cố gắng giữ để mà hưởng phước, để mà tu, tu kiếp này không siêu thăng hay giải thoát, kiếp sau tu tiếp.

Muốn giữ được kiếp làm người, điều cần thiết là phải giữ gìn Ngũ giới. Nói khác hơn, giữ được Ngũ giới là giữ được tái kiếp làm người.

Ngũ giới thật vô cùng quan trọng. Đạo Cao Đài có Ngũ giới. Đạo Phật cũng có Ngũ giới và Đạo Chúa có mười điều răn để tín đồ hay con chiên noi theo đó mà tu hành.

Dù vậy vẫn có một số ít người còn chấp thường hay chấp đoạn. Chấp thường là cho rằng kiếp làm người của ta sẽ còn mãi, hết kiếp này đầu thai kiếp khác cũng sẽ làm người. Chấp đoạn, như một số người thể gian, cho rằng chết là hết, do đó cần gì phải giữ giới hay luật làm chi cho mệt.

Hai cách chấp thường, chấp đoạn đều là sai, nên tránh, vì đó không phải là con đường Trung Đạo.

Thật ra, lý nhân quả là sự thật hiển nhiên và giáo lý nghiệp báo luân hồi hay báo ứng là chân-lý bất khả tư nghi.

Trong kinh Thiên Đạo, bài Giới Tâm Kinh có dạy rõ ràng:

“Lễ báo ứng cao thâm huyền diệu,
Cho chúng sanh đặng hiểu răn mình”

Nghĩa là Thầy dạy người tín đồ phải tự răn mình, cố gắng dụng công giữ gìn giới cấm, vì lễ báo ứng rất cao thâm và vô cùng huyền diệu.

Luật ở thế gian thì còn có thể lách luồn tránh né được, nhưng luật Thiên Đình thì “dù thưa mà chẳng lọt mảy lông”.

Biết như vậy, người tu nên cố gắng dùi dốt, nhắc nhở, giúp đỡ nhau để cùng tinh tấn tu hành, mà trên bước đường tu hành, việc đầu tiên là phải giữ gìn Ngũ giới.

Giữ được Ngũ giới, ngoài xã hội sẽ an bình, trong gia đình hạnh phúc, vì chồng chẳng lừa vợ, vợ chẳng dối chồng, một lòng một dạ thủy chung; phụ tử, tử hiếu chẳng những trong hành động mà cả trong ngôn từ, thì thử hỏi gia đình làm sao chẳng được an vui.

Hơn thế nữa, với lễ báo ứng vi diệu thậm thâm, với nhân nào quả nấy, việc giữ gìn Ngũ giới sẽ cứu độ người tu ít nhứt cũng còn giữ lại kiếp làm người để mà hưởng phước, để mà tu; chớ nếu phải đọa vào địa ngục hay làm ngạ quỷ, súc sanh thì việc tu tập sẽ rất khó thực hành.

II-GIỚI VÀ NGHIỆP

Giới và nghiệp có liên quan một thiết.

Nếu nghiệp và luân hồi theo nhau như bóng với hình thì sự liên quan giữa giới và nghiệp được ví như bộ phận máy của một chiếc xe đối với cổ xe vậy.

Người giữ giới sẽ không tạo nghiệp. Nhưng lìa giới để gây nghiệp thì bước đường tái sanh chuyển kiếp sẽ lắm khó khăn.

Thánh giáo Đại Đạo có đoạn như sau

“Ngõa thuyền Thầy đợi khách sang chơn.
Khổ hạnh khuyên con chớ dạ hờn;
Sấm nghiệp trần gian còn phải kho, ù
Lựa là nghi trường tại Bồng Sơn”

Thầy vì thương nhơn sanh khổ ải nên thuyền cứu độ của Thầy luôn luôn sẵn sàng để đưa các con Thầy lìa cảnh tục bến mê mà trở về bờ giác.

Thuyền của Thầy chực chờ sẵn đó nhưng nhơn sanh có chịu bước lên không? Nếu muốn đi tức chịu tu, chịu lên thuyền của Thầy thì trước tiên phải tập hiền, tập lành, tập giữ giới để không tạo nghiệp.

Thầy dạy rất rõ: “Sấm nghiệp trần gian còn phải khó”, tức người tu nếu không giữ giới để còn tạo nghiệp thì bước đường trở về Chơn Tâm hay Phật tánh, tìm lại Chơn Linh sẽ khó vô cùng.

Còn sấm nghiệp trần gian là con luân hồi trong lục đạo và như vậy làm sao an hưởng được cảnh Thánh, Tiên, Phật là cảnh non Bồng.

Chính nhằm cứu vớt các con Thầy nên trong đàn cơ ngày 18-1-1927 và 4 đàn cơ năm Mậu Thìn 1928, Thầy đã ân cần nhắc nhở các con của Thầy muốn tu trước tiên phải hành trì ngũ giới, vì giới là căn bản.

Đạo Phật cũng vậy. Đức Phật Thích Ca đã dạy các đệ tử như sau:

“Hãy tuân theo chánh pháp của ta, hãy giữ gìn giới luật mà tu thì Như Lai lúc nào cũng gần gũi. Nếu không theo chánh pháp, không giữ gìn giới luật thì có Như Lai bên cạnh cũng chẳng giúp được gì.”

Ngoài ra, Phật còn căn dặn Ngài A-Nan rằng: “Khi Phật còn tại thế thì Kính Phật làm Thầy. Khi Phật tịch diệt rồi thì lấy Giới làm Thầy.” Đây là bổn phận của người tín đồ giữ gìn thế luật. Đó cũng là tôn trọng giáo pháp căn bản để tránh tạo nghiệp ác.

Người tu chớ nên nghĩ rằng tu là chỉ ăn chay và hằng ngày ở nhà hay đến Thánh Thất tụng kinh gõ mõ. Những chỉ tri này dù rất cần nhưng chưa đủ. Căn bản của việc tu hành là phải tác tri làm lành, lánh dữ và không bao giờ tạo nghiệp ác.

Kinh và chuông mõ có mục đích dạy dỗ và nhắc nhở người tu tập tánh hiền, làm điều thiện để tạo nghiệp lành. Thính nghiệp mới là căn bản, là động cơ dẫn dắt luân hồi.

Nói về luân hồi, ta biết rằng khi ta chết đi rồi thì ta sẽ bỏ lại tất cả, tiền tài, của cải, danh vọng, thân bằng quyến thuộc và kể cả thân xác này. Thế nhưng còn nghiệp, và nghiệp theo ta như bóng với hình trên bước đường tái sanh chuyển kiếp.

Để lý giải giáo thuyết luân hồi do nghiệp dẫn, và nghiệp theo ta như bóng với hình, đạo Chúa và đạo Phật có những câu chuyện như sau: Mạnh Thường Quân, người nước Tề, thời Chiến Quốc, nổi danh là người ưa làm việc nghĩa. Vốn tính rộng rãi, ông thường đem tiền cho người túng thiếu vay mượn và cho độ thân trong nhà bất cứ ai lâm cảnh ngặt nghèo.

Một hôm, ông sai gia nhân qua đất Tiết để thuê nợ. Ông còn dặn người gia nhân khi thuê được nợ hãy lấy tiền mua sắm những gì còn thiếu trong nhà. Sau khi thuê nợ xong người gia nhân trở về với hai bàn tay không và giải thích cho chủ nhân như sau: trước khi đi tôi đã xem xét trong nhà thấy chẳng thiếu chi, duy có món nghĩa là thiếu. Do đó, thuê được bao nhiêu tôi đã dùng hết để mua nghĩa cho tương công.

Một thời gian sau, Mạnh Thường Quân bị giải quan và trở về đất Tiết trú ngụ. Nhớ ơn xưa, những con nợ đã đem tiền của đến giúp ông với tất cả lòng thành.

Luận giải việc Mạnh Thường Quân, đạo Chúa có nhắc nhở rằng: “Của cải vật chất đời này có thể qua đi, nhưng những nghĩa cử chúng ta làm sẽ tồn tại mãi mãi. Chúa Giê Su đã nói với chúng ta là chớ lo thu tích của cải đời này vì trọng cướp có thể rình mò và mọi mọt có thể đục khoét.

Khi nhắm mắt xuôi tay chúng ta chỉ có thể mang theo cho mình kho tàng thiêng liêng của những nghĩa cử.”

Cũng vậy, kinh Phật có một ví dụ như sau: Có một ông trưởng giả có bốn bà vợ. Bà vợ thứ nhất một lòng trung thành với ông thế mà ông không hề nghĩ tới.

Bà vợ thứ hai được ông lưu ý phần nào.

Bà vợ ba ông luôn nhắc nhở.

Riêng bà vợ thứ tư thì ông ở đâu bà ở đó, không khi nào rời nhau. Đến khi ông bệnh nặng sắp chết, ông bèn gọi cả bốn bà vợ đến gần bên và hỏi rằng: tôi biết sắp chết, vậy trong bốn bà có ai tình nguyện chết theo tôi không?

Bà vợ thứ nhất nói: tôi luôn luôn trung thành chung thủy với ông; lòng tôi một giây một phút chẳng rời ông dù rằng ông bỏ tôi, không hề để ý hay nghĩ tới tôi. Bây giờ ông chết, tôi tình nguyện chết theo ông

Bà vợ thứ hai nói: bình thường tôi được ông lưu ý nhắc nhở chút ít, bây giờ ông chết tôi xin đưa ông ra tới phần mộ.

Bà vợ ba lên tiếng: Khi còn khỏe mạnh, ông thường nhắc nhở tôi liền miệng. Bây giờ ông chết, tôi xin đưa ông ra tới cổng rào nhà.

Bà vợ thứ tư là bà được ông yêu thương nhất phát biểu sau cùng: lúc ông còn sống thì ông ở đâu tôi ở đó chung chiếu chung phòng. Bây giờ ông chết tôi chỉ có thể đưa ông ra tới cửa nhà mà thôi.

Người vợ thứ tư, Phật ví dụ cho tiền bạc. Tiền bạc luôn ở bên ta, nhưng khi ta chết rồi thì tiền bạc vẫn được cất trong rương hay tủ trong nhà; vì vậy mới nói chỉ đưa ra tới cửa nhà.

Người vợ thứ ba Phật ví dụ cho cửa cải, chỉ ở trong phạm vi rào nhà, vì thế mới nói đưa ra tới cổng rào.

Người vợ thứ hai Phật ví dụ cho công danh chức tước. Công danh chức tước sẽ được xưng hô tụng đọc qua điệu văn trước phần mộ, vì thế nên nói đưa đến mộ.

Người vợ thứ nhất, đó là Phật ví dụ cho nghiệp lành hay nghiệp dữ. Nó luôn luôn bám theo người tạo ra nó như bóng với hình. Nó và người tạo ra nó chẳng khi nào rời nhau, chẳng khác nào tình nguyện cùng chết theo nhau vậy.

Tóm lại, dù với đạo Phật hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nghiệp lành hay nghiệp dữ mà lúc sanh tiền ta đã tạo ra, nó sẽ theo ta như bóng với hình trên bước đường tái sanh chuyển kiếp.

Chính vì vậy mà khi còn sống ta nên cố tạo nghiệp lành, nghiệp thiện và tránh nghiệp ác, nghiệp dữ. Vì sao? Vì tất cả chúng ta ai cũng mong được siêu thoát hay ít nhất cũng còn giữ lại được kiếp làm người để hưởng phúc, để tu nữa, chớ không ai muốn tạo nghiệp ác để phải luôn hồi vào ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Để kết luận phần hai liên quan đến giới và nghiệp lành, nghiệp dữ, xin được ghi lại đây những gì mà Thầy đã dạy chúng ta.

1. Thầy dạy chúng ta tu là phải hiền, phải lành. Thầy nói rất rõ:

“Tham chi sự thế lắm đua tranh,
Cái miếng đỉnh chung xúm dượt giành.
Bỏ hết trong cơn mê một giấc,
Trăm năm ngẩn ngui nhớ làm lành.

Làm lành cho trọn Phật Trời thương.
Hai chữ hơn thua chớ liệu lường.
Mừng thiệt là khi nương cảnh tịnh,
Khen chê giận ghét lẽ đời thường.”

Cũng với ý nghĩa này, trong đàn cơ ngày 21-7-1926 tại tư gia Đức Cao Thượng Phẩm, Thầy có bảo rằng: “Tu là chi?

Tu là trau dồi đức hạnh cho nên hiền. Phẩm vị Tiên Phật để thưởng cho kẻ lành mới đáng phẩm vị...”

Rõ ràng trích đoạn các phần cơ bút, Thánh Giáo nêu trên cho thấy Thầy và các Đấng Thiêng Liêng dạy tín đồ hể tu là phải hiền lành, vì nếu tu mà còn hung dữ thì khác nào chẳng tu. Tu có nghĩa là sửa, mà sửa đây là sửa những gì? Đó là sửa đổi thói quen, tập khí mà ta đã huân tập từ lúc mới sinh ra và sống đời thế tục gần trọn kiếp mãi cho đến ngày ta biết tỉnh ngộ tu hành.

Nói rõ hơn, ta phải sửa đổi lại ý nghĩ, hành động, lời nói để đừng tạo thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Ta nên nghĩ thiện, làm lành và ngôn ngữ cũng phải thiêu lành. Nếu trước đây với tâm phàm phu, ta đã lỡ làm những điều ác, nói những lời hung dữ, nghĩ những việc chẳng lành thì nay biết tu ta phải ngừng bỏ và chấm dứt cố lo tu để mà chuyển nghiệp.

2. Thầy dạy người tu đừng nên tạo nghiệp: vì tạo nghiệp trần gian thì sẽ còn khổ khó vô cùng, không làm sao thoát khỏi tam đồ, lục đạo.

Người tu trước tiên phải làm lành, lánh dữ, để không tạo nghiệp ác dù do ngôn, thân hay ý, thì bước kế tiếp là việc tụng kinh gõ mõ mới diệu dụng được.

Có câu:

“Sân si nghiệp chướng chẳng chừa,
Bo bo mà giữ tương đưa làm gì”

Còn sân là còn hung dữ chớ chẳng phải hiền lành. Còn gây nghiệp chướng chắc chắn sẽ còn thọ báo. Do đó, dù có chạy lạc tương đưa cũng chưa chắc gì gỡ được hết tội tình. Điều quan trọng là phải hiền lành và không tạo nghiệp ác.

Muốn thế, người ta phải vẹn về hành trì Ngũ giới. Giữ tròn ngũ giới là tránh được thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp.

III.- GIỚI VÀ ĐẠO:

Thầy giảng cơ dạy Ngũ Giới là cốt để bảo vệ các con Thầy. Hội Thánh ban hành Tân Luật nơi điều 21, chương 4, nói về Giới Cấm cũng nhằm khuyên răn tín đồ Đại Đạo.

Theo đúng lời dạy của Thầy, làm đúng như sự khuyên răn của Hội Thánh, đó là người tín đồ đã dung công tu tập đúng theo Đạo.

Do đó nên nói giữ giới tức là giữ Đạo

Đạo được nói ở đây là đạo làm người tức Nhơn Đạo.

Nhơn Đạo là phần căn bản trong Ngũ Chi Đại Đạo gồm có Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

Nói Nhơn Đạo là căn bản vì người tu trước khi có thể thành Thánh, thành Tiên, thành Phật thì trước tiên phải làm tròn bổn phận con người. Nói khác hơn, khi đạo làm người chưa tròn thì không thể thành Thánh, Tiên, Phật được.

Đề lý giải Nhơn Đạo là căn bản, Thánh Ngôn có những đoạn như sau:

“Một Trời một đất một nhà riêng,
Dạy dỗ nhơn sanh đặng dạ hiền.
Cầm mối thiên cơ lo cứu chúng,
Đạo người vẹn về mới thành Tiên.”

“Sai lầm một thuở biết ăn năn,
Năn nỉ lòng kia tự xét rằng
Rằng ở đời thì Nhơn-Đạo trọn,
Trọn rồi Thiên Đạo mới hoàn toàn.”

Qua Cơ Bút, Thánh Giáo, Thầy lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không những chỉ giúp các Đấng Thánh, Tiên, Phật đọa trần qui hồi cựu vị, như đã được ghi trong đàn cơ tại Chùa Gò Kén năm Bính Dần 1926, mà còn đặc biệt chú trọng đến việc cứu vớt các Nhơn phẩm tức toàn thể nhơn sanh đã đắc được kiếp người.

Thánh thi nói rõ là ở đời nhơn đạo trọn thì mới mong đạt đến Thiên Đạo, có nghĩa đạo người vẹn về thì mới mong thành Tiên Phật được.

Nói rõ hơn, qua Thánh Giáo Cơ Bút, Thầy và các Đấng Thiêng Liêng nhắc nhở toàn thể nhơn sanh khi tu hành, bước quan trọng trước tiên là phải làm tròn Nhơn Đạo. Đây là một đặc trưng trong giáo pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giúp tín đồ dễ dàng dụng công trên bước đường tu tập.

Sự dụng công tu tập thật ra vô cùng khó khăn nếu không thì ai cũng có thể thành Thánh, Tiên, Phật được cả.

Sở dĩ nói khó khăn vì nhơn sanh suốt cuộc đời đã bị trần thức lôi kéo, chướng nhiều tuệ ít, đắc được kiếp làm người

đã khó khăn lắm rồi vì phải trải qua biết bao căn kiếp tu hành.

Giờ đây, muốn từ kiếp con người bị bủa vây bởi lục căn, lục trần, lục thức, tập khí đầy đầy do vọng tưởng từ vô thủy luân tập khiến vọng niệm chẳng rời, vọng tình bao phủ thì làm sao Kiến tánh thấy được Chơn Tâm hay Bản Lai Diện Mục của mình, để từ đó tinh tấn tu hành cho tự tánh thanh tịnh, chơn tâm rỗng lặng tròn đầy hầu bước lên quả Phật đặng như như.

Dù không chứng đắc được quả vị Thánh, Tiên, Phật, người tín đồ Đại Đạo nếu theo đúng lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng, thì ít nhất cũng không bị thất “nhơn thân.”

Đó là nhờ vào việc hành trì ngũ giới. Chính vì thế mà nói rằng mục đích việc giữ giới là giữ Đạo và Đạo ở đây là Nhơn Đạo tức đạo làm người. “Đạo người vẹn vẻ mới thành Tiên”, đây là lời dạy của Thầy quá rõ ràng vì lòng thương các con của Ngài vẫn còn mê muội.

Thật vậy, con người vì mê muội mà không nhận ra được Chơn Tâm của mình. Mà Chơn Tâm là gì? Đó là cái dụng của Bản Thể Chơn Linh tại thế gian này, nói rõ hơn là Chơn Tướng của Chơn Linh, như lời Đức Hộ Pháp thuyết đạo đêm 6 tháng 7 Mậu Tý (9-8-48) tại Đền Thánh.

Nhận biết được Chơn Tâm hay Phật Tánh đã khó khăn, do đó trở về với Chơn Linh hay Pháp Tánh lại càng khó khăn hơn nữa nếu người tu chưa hội đủ căn cơ. Dù vậy, việc giữ đạo làm người tức Nhơn Đạo sẽ không khó khăn lắm nếu người tu biết giữ gìn ngũ giới; không để cho tình thức xô đẩy mãi đến bến mê mà cố gắng tỉnh ngộ để trở về bờ giác.

Muốn trở về bờ giác, Đức Hộ Pháp có dạy tín đồ của Đức Ngài phải biết “Hồi Quang Phản Chiếu.”

Vậy Hồi Quang Phản Chiếu là gì?

Như lời Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh đêm rằm tháng giêng và 9 tháng 7 năm Mậu Tý (1948) là “đem thân trí ra ngoài thể xác đặng quan sát lại mình và hành tàng của thể nhân ra sao..... rồi gắm lại ta ở cảnh HU’ hay THẬT...”

Đúng như lời Đức Ngài đã dạy, đó là đem ánh sáng của Chơn Tâm, cái dụng của Bản Thể Chơn Linh mà soi rọi lại chính mình.

Dù biết vậy, nhưng cũng có người thay vì làm theo lời dạy của Đức Ngài, lại cứ để cho lục căn chạy theo lục trần sanh ra lục thức rồi từ Thập Bát Giới này mà triển miên tạo nghiệp.

Chính do nghiệp mà đường luân hồi cứ miên man, không dừng, không dứt. Những vị này, với thời gian năm tháng trôi qua, theo dòng đời lồi cuốn, đã không chịu Hồi Quang Phản Chiếu, triển miên mơ màng chẳng tỉnh, mà cứ để nhân căn phóng chiếu ra ngoài chạy theo trần cảnh, thấy người mà chẳng tự thấy mình, để biết rõ xác thân này giả hay chơn, và cảnh đang ở là hư hay thật.

Rồi với sự lôi kéo của thất tình lục dục, có người sống như mọi người thế gian đang sống, đắm mê thanh sắc phù du, luyến lưu lợi danh huyền ảo mà chẳng nhớ Thánh Ngôn từng dạy:

“Phí quý lớn là giành với giựt.
Lợi danh cao bởi mượn và xin.
Trăm năm lẩn quẩn đường nhơn nghĩa.
Một kiếp đeo đũa mối nợ tình.”

Có người sống như mọi phàm nhơn khác, cứ thấy, cứ nghe, rồi bị đắm mê và bị lôi cuốn theo cái thấy cái nghe của mình, từ đó sanh ra phân biệt đúng sai, tốt xấu, khen chê rồi thương ghét để cuối cùng tạo nghiệp.

Giờ đây, từng theo Đại Đạo, tuân theo giáo pháp Cao Đài, nếu ta hành trì đúng theo lời của Đức Hộ Pháp dạy là phải biết Hồi Quang Phản Chiếu đặng định lại tướng diện của mình thì trước tiên ta sẽ thấy rõ con người chân thật của ta, cũng như cảnh mà ta đang ở là HU’ chứ không phải THẬT (như lời Đức Hộ Pháp đã nói).

Đã thấy con người chân thật của ta đương nhiên ta biết ta phải làm gì. Việc trước nhất là làm sao cho tròn Nhơn Đạo tức đạo làm người.

Muốn giữ trọn đạo làm người, điều cần thiết là phải giữ gìn ngũ giới.

Giữ gìn ngũ giới ngoài việc giúp ta tinh tấn tu hành, còn cho ta nhiều lợi lạc ngay tại thế gian này.

Thí dụ nếu không sát sanh hay du đạo thì làm sao bị tội tù. Nếu không tà dâm thì gia đạo luôn được yên vui hạnh phúc. Trong gia đình, ngoài xã hội, mọi người giao tiếp đối xử với nhau tâm không loạn, ý không vọng động mà trái lại nho nhã ôn hòa, ái ưu đoàn kết thì gia đình xã hội sẽ được an bình.

Tóm lại, tam cương, ngũ thường, tứ đức, bổn phận đối với Tổ Quốc, đạo phu thê, tình phụ tử, nhân, nghĩa lễ, trí, tín; công, ngôn, dung, hạnh nếu làm tròn thì tâm ta luôn luôn an bình, mà tâm bình thì thiên hạ bình.

Tâm bình là mơ ước của mỗi nhơn sanh. Thiên hạ bình là mục tiêu của mọi đoàn thể, mọi quốc gia, mọi tôn giáo. Dù vậy, trên thực tế tâm nhơn sanh có an bình không? Thiên hạ có an bình không?

Nhìn vào sinh hoạt của các tôn giáo, trong cũng như ngoài phạm vi chùa chiền, nhà thờ, thánh đường, thánh thất, câu trả lời là: cũng có và cũng không.

Không là tại sao? Tại vì người tu đã không giữ tròn ngũ giới, trước tiên thuyết thị thuyết phi, nói phải nói quấy, nói đúng nói sai, nói hay nói dở, nói tốt nói xấu, hề tốt thì thương xấu thì ghét, đúng thì khen, sai thì chê, rồi từ đó sanh ra ngấm ngầm hay công khai tranh chấp dưới nhiều hình thức mà không nhớ rằng làm như vậy là đã không hành trì giới.

Giới được đề cập đây là giới VỌNG NGŨ, với những nét vi tế của giới này sẽ được đề cập ở phần 2.

BACH-Y

Chuyên Đề: TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI

BÀI ĐỌC THÊM số 4:

" GIỚI " (Tiếp theo)

* Tác-giả: HT. Lê văn Thêm.
(Gia tri Tham khảo)

PHẦN II- NHỮNG NÉT VI-TẾ VỀ GIỚI "VỌNG- NGŨ"

Vọng-ngũ do lời nói tức ngôn-ngữ. Ngôn-ngữ có những đặc-tánh rất vi-tế mà nhiều tôn-giáo có nói đến.

I.- NGÔN-NGŨ VỚI CÁC TÔN-GIÁO

Ngôn-ngữ thật vô-cùng quan-trọng đối với tín-đồ các tôn-giáo. Người tín đồ hiểu đạo mà không thận-trọng trong lời nói, giới vọng-ngũ chẳng giữ gìn, thì cũng chưa xứng đáng với sự hiểu đạo của mình. Cũng như người nói đạo mà giới không giữ thì lời nói sẽ không diệu-dụng được.

Người tu cần phải cẩn-thận trong ngôn-ngữ, vì dù có hiểu đạo, nói được người khác hưởng ứng, nhưng mình lại không giữ-gìn giới-luật, thì lời nói đó chưa chắc cứu được mình.

Do tính-cách quan-trọng của lời nói mà các bậc Thánh-Nhân, các vị Giáo-Chủ luôn luôn kêu gọi người đời hay nhắc-nhở tín-đồ nên thân-trọng cẩn-ngôn.

1.- Với đạo Khổng, Đức Khổng Phu Tử có dạy:

-"Cổ giả ngôn chi bất xuất, sĩ cung chi bất đãi giả." Tức người quân tử nên cẩn-thận lời ăn tiếng nói của mình nói ra, vì sợ chẳng kịp lời nói mà hổ thẹn.

-"Quân tử vô sở tranh, tất giả xạ-hồ." Tức quân-tử tránh tranh-luận, nếu phải tranh luận thì cung kính lẫn nhau như khi bắn thi vậy.

2.-Với đạo Lão, Đức Lão-Tử trong Đạo Đức Kinh cũng có dạy như sau: "Thị-dĩ Thánh Nhân xử vô-vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo." Tức bậc Thánh Nhân xử sự theo thái-độ vô-vi, không nói mà chỉ hành-động để-dạy người

3.-Với đạo Chúa, lấy yêu thương làm gốc, đức Ki-Tô dạy rằng:

"Nếu người anh em con có lỗi với Chúa Trời con hãy sửa trách một cách khôn ngoan. Trước tiên con hãy thực tình mách bảo, mách bảo riêng một mình con với một mình người có lỗi. Nếu người đó nghe con mà sửa đổi, ấy là con đã cứu được người anh em con.

Nhưng nếu chẳng may con không làm được việc, nghĩa là người đó nhất định không nghe con, lúc ấy con hãy đem lại hai ba người đến với con, để nhờ sự chứng kiến của mấy người này, công việc của con được chắc chắn.

Vậy con hãy thực tình khuyên anh em con, hãy dùng tiếng nói của lòng nhân-tử và vận-động mọi sách để chinh-phục

người có lỗi, nhưng không được tiết-lộ và tuyên-truyền làm mất phẩm-giá của người ta.”

Với Khổng giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo, các đấng Giáo-Chủ đều dạy tín-đồ trước tiên phải cẩn-thận trong lời nói. Nếu phải nói thì nên nói với từ tâm, nho-nhã, ôn-hòa và trung-chính.

4.-Riêng đạo Cao-Đài, giới vọng-ngữ được đặc-biệt chú trọng nhiều hơn vì ngôn-ngữ có thể gây khẩu nghiệp.

Chính để tránh khẩu nghiệp, một trong ba nghiệp dễ trở thành định nghiệp dẫn dắt luân hồi mà trong đạo Cao-Đài, giới vọng-ngữ được chi-tiết-hóa rõ-ràng và đầy đủ.

Ngoài ra, cũng như đạo Lão với lời dạy “hành bất ngôn chi giáo”, đạo Cao Đài trong Kinh Thiên Đạo có câu “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại-hóa”

và Kinh Nhập Hội, phần Thế-Đạo cũng có câu “Câu Kinh vô-tự độ người thiện-duyên”. Kinh vô-tự đây là Kinh không chữ, kinh vô-ngôn, không thể dùng văn-tự ngôn-ngữ để diễn đạt được mà chỉ có thể diễn đạt bằng giới-hạnh, đức-hạnh và bằng tâm của người tu thôi.

Tóm lại, với việc chi tiết hóa rõ ràng, đầy đủ giới vọng-ngữ, hơn thế nữa, cũng như đạo Lão “Hành bất ngôn chi giáo,”

Đạo Cao-Đài với “Câu Kinh vô-tự độ người thiện duyên” và “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại-hóa” đã dạy tín-đồ tường tận những nét đặc-trung và vi-tế về giới sẽ được trình bày ở phần kế tiếp sau đây.

II.- ĐẶC TRƯNG NGÔN-NGỮ TRONG NGŨ-GIỚI CỦA ĐẠO CAO-ĐÀI:

Ngũ-giới đạo Cao-Đài trên tổng-thể cũng giống như ngũ-giới của đạo Phật hay mười điều răn của đạo Chúa. Dù vậy, nếu nghiên-cứu kỹø thì có những điểm cần được đặc biệt lưu ý. Chính những điểm đặc-biệt này tạo nên một trong những nét đặc trung của đạo Cao Đài.

Nhiều nét đặc-trung khác của đạo Cao-Đài xin được lần lượt trình bày sau, riêng bài viết này chỉ nói về ngũ-giới.

Theo đạo Phật, ngũ-giới gồm có: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo và uống rượu. Mười điều răn của đạo Chúa-dù không hoàn toàn-giống y ngũ-giới nhưng cũng có nhiều điểm tương-đồng.

Trong đạo Phật, giới cấm thứ tư là nói láo. Đệ-tử Phật-giáo được dạy không nên nói láo mà phải nói thật, dù rằng cũng có vị Hòa-Thương hay Thượng-Tọa giai rộng thêm hơn, nhưng tựu trung chỉ chú trọng đặc biệt vào một điều, đó là “cấm nói láo”.

Đạo Cao-Đài, trong phần vọng ngữ, có bốn điều cấm rõ rệt:

1.- Vọng Ngữ: Không được láo xược tức không được nói láo

2.- Xảo-Ngữ:

Không được nói xảo trá, gạt gẫm người, khoe mình bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải nói quấy, tức không được nói thêu dệt, diễn dịch lời nói của người khác theo hậu ý riêng của mình, không được dùng lời nói để che đậy ác ý của mình hoặc nói bóng bẩy để dụ dỗ hay xúi dục người khác làm điều xằng bậy.

Tóm lại, không được nói thêu dệt

3.- Lường Ngữ:

Không được nói hành kẻ khác; không được xúi dục người hờn giận, kiện thưa xa cách, tức không được nói đâm thọc với mục-đích gây bất hòa, tạo chia rẽ và thù nghịch.

Tóm lại, không được nói như có hai cái lưỡi.

4.-Ac Ngữ:

Không được nhạo báng, chê bai, nói lố-mắng, thô tục, chưởi rửa người, hủy-báng tôn-giáo, tức nói những lời chanh-chua độc-ác.

Tóm lại, không được nói lời độc ác.

A.- Đặc Trưng I:

Chi-tiết-hóa ngôn-ngữ với vọng-ngữ, xảo-ngữ, lường ngữ và ác ngữ cho thấy ngũ-giới đạo Cao-Đài đặc biệt chú trọng vào lời nói. Chính lời nói làm cho người tu dễ phạm giới nhất mà nhiều lúc hầu như không hề hay biết.

Nếu phạm bốn điều thuộc về ngôn-ngữ nêu trên là đã phạm vào bốn điều ác trong thập ác. Xa rời bốn điều ác này là bước đầu đi vào bốn điều thiện trong thập thiện.

Như vậy, ngũ-giới đạo Cao-Đài không những chỉ là ngũ-giới thôi, mà đúng ra là bát (8) giới hay thất (7) giới trong giáo-pháp Thập Thiện. Người tu giữ được thất giới này là đã bắt đầu hành trì thập thiện, chỉ cần tu thêm tam thiện nữa thì sẽ được siêu thăng, thiên đàng liền đến. Đây là đặc trưng thứ nhất.

B.- Đặc Trưng II:

Đặc-Trung thứ hai trong ngũ-giới đạo Cao-Đài là sự chú-trọng toàn diện vào thân-nghiệp, khẩu nghiệp và ý-nghiệp, không giống như đạo Phật đặc biệt nhấn mạnh vào thân nghiệp và chỉ một Khía cạnh “nói láo” của khẩu nghiệp mà thôi. Chính ở ý nghiệp và khẩu nghiệp mà con người rất dễ sai phạm.

1.- Về ý nghiệp: - Người tín đồ trì giới du đạo ngoài việc không được trộm cắp, còn bị cấm không được sanh lòng tham của quấy, để ý hại người. Như vậy, ngay tại ý phát sanh ác-nghiệp tham lam, người tín-đồ cũng không được phạm.

- Về giới tà dâm, ngoài việc cấm luyến vợ chồng người, thả theo đàn điếm, người tín-đồ còn bị cấm không được thấy sắc dục lòng tà. Lòng tà đây là ý-nghiệp, dù rằng khẩu chưa tác động, thân chưa thực hành nhưng đã có ý thì bất định nghiệp cũng đã hình thành.

2.- Về Khẩu nghiệp: Không được lường gạt của người tức dùng lời nói hay mưu chước chiếm đoạt của cải tài sản người khác; không được dùng ngôn-ngữ xúi dục người làm loạn luân-thường hoặc lấy lời gieo tình huê-nguyệt.

Nói khác hơn, dùng lời nói để toan lường gạt của người, xúi dục tà dâm hay gieo tình huê nguyệt là đã mang lấy khẩu nghiệp rồi.

Tóm lại, ngũ giới Đạo Cao Đài, ngoài thân nghiệp còn chú trọng đặc-biệt vào ý-nghiệp và nhất là khẩu nghiệp. Với thân nghiệp, người tín-đồ dễ thấy và dễ tránh nên đã không sát sanh, trộm cướp tà dâm. Nhưng với khẩu nghiệp, đây là phạm-vi mà nhiều người thường hay phạm.

Giáo-lý, hay nói rõ hơn Ngũ giới đạo Cao Đài đặc-biệt nhấn mạnh vào phạm-vi khẩu nghiệp. Đây là đặc-trung thứ hai nhằm dạy tín-đồ không những tránh nghiệp ở thân, mà quan trọng nhất là phải tránh nghiệp ở khẩu. Nghiệp thân và khẩu là hai loại nghiệp nếu phạm vào có thể tạo thành định nghiệp, nguyên nhân dẫn dắt luân-hồi.

Đã biết tạo khẩu nghiệp có thể phạm vào định nghiệp dẫn đến luân-hồi, ấy vậy mà vẫn có người thường phạm phải là tại sao? Tại vì con người luôn luôn quen noi và hay nói.

Nhưng lời nói có thật hay không? Để trả lời câu hỏi này, và cũng để phá chấp danh-ngôn, xin được lạm bàn về thật tướng của lời nói với những nét vi tế của nó

III.- NHỮNG NÉT VI-TẾ CỦA NGÔN-NGỮ:

Ngôn-ngữ hay văn-tự là những ước-lệ do người đời đặt ra-để dùng cho một nhóm người, một địa phương một bộ-lạc, hay một dân-tộc nào đó. Người đời ghép những chữ thành câu, những tiếng thành lời để diễn tả những ý-nghĩ, hành-động, thói quen, tập-quán-v.v. Tùy theo địa-phương, bộ lạc hay dân-tộc mà lời nói hay văn-tự được gán cho một ý-nghĩa nào đó mà người đời chấp theo để rồi tạo nghiệp.

Thật ra, lời nói hoặc văn-tự là những pháp hữu lậu và tương-đối, không có thực-thể, không diễn tả được Chân Lý Tuyệt Đối, vô lậu. Dù vậy, thói thường người đời ai cũng thích nghe lời nói thuận tai, tránh nghe lời nói nghịch tai mà đã quên quán-chiếu bản thể lời nói là không thật, chỉ do duyên hợp mà thôi.

Thật vậy, ngôn ngữ, lời nói, kể cả văn tự, bản thể của nó là không. Không đây là không có tự tánh, tức tự tánh của nó không thật, chớ chẳng phải là không ngộ, không có gì hết. Nói khác hơn, ngôn ngữ hay lời nói tự tánh của nó là không nhưng do duyên hợp nên giả có mà thôi.

Để lý-giải tánh không của ngôn-ngữ hay lời nói, xin được đơn cử những thí dụ và hình ảnh như sau:

A.-Ngôn Ngữ tự tánh là không:

Thí dụ: Có một anh nọ cha mẹ đặt tên là Hiền nhưng anh ta không hiền tí nào cả. Anh thường làm những điều ác,

xâm-phạm luân-thường đạo-lý-v.v. Như vậy, tên Hiền mà người đời thường dùng gọi anh, để gán vào cho cái tâm sân-si, các thân tham-lam-độc-ác của anh đó chỉ là danh-ngôn giả-lập hoàn-toàn trái ngược với bản-chất của con người anh.

Nói khác hơn, tiếng gọi, danh-ngôn không diễn tả đúng bản-thể, và bản thể lại hoàn-toàn trái ngược lại danh-ngôn, lời gọi tên đặt. Nói rõ hơn, tên đặt, tiếng gọi, lời nói, danh-ngôn, chỉ là giả danh chứ không thật nghĩa. Nó không có tự tánh đúng như người ta đã gán cho nó.

Thí dụ thứ hai: ta nói cái đồng hồ. Tự lời nói ấy không phải là cái đồng hồ mà thật ra đồng hồ là đeo trên tay, để trên bàn, treo trên tường, chươ lời nói nào phải cái đồng hồ. Vậy lời nói chỉ là giả-lập, duyên hợp chữ đồng và chữ hồ để tạo thành một giả-tướng đồng hồ chứ tự tánh của nó, tự bản thể của lời nói không phải là cái đồng hồ.

Thí dụ thứ ba: Anh A nói anh B là con chó. Sự thật anh B nào phải là con chó mà là con người. Vậy khi anh A nói anh B là con chó thì anh B có trở thành con chó không, có mọc đuôi, mọc bốn chân hay vì hai chân không. Chắc chắn là không. Thí dụ này một lần nữa cũng cho thấy ngôn ngữ hay lời nói chỉ là danh ngôn chứ không có thực nghĩa, không có tự tánh.

Các thí dụ nêu trên chỉ rõ lời nói tự bản-thể nó là không gì cả. Lời nói dùng để chỉ một cái gì (như cái đồng hồ) chứ tự nó không phải là cái đó; hoặc lời nói dùng để khen, chê, chưởi, rửa-v.v. như trường hợp anh A chưởi anh B là con chó, nhưng thật ra anh B đâu phải là con chó mà là con người.

Vậy là anh A duyên hợp lời nói dùng tiếng con và tiếng chó để tạo ra một giả Tướng sai sự thật. Đã biết là sai, là quấy rồi, vì chưởi của là sai quấy, là ác khẩu, là tạo nghiệp, tại sao người ta lại cãi vả gây gổ và đôi khi có thể đi đến ấu đả nữa. Đã biết A nói sai quấy, sai sự thật thì lẽ ra B nên thấy rằng A vì điên loạn nói bậy không đúng, vậy bỏ đi.

Bây giờ B lại gây gổ với A. Như vậy, có phải B đã tự mình dấn thân vào chuyện điên đảo, chuyện sai, chuyện bậy không. Nếu cãi vả hay ấu đả nhau thì ai cũng sẽ quấy cả, chỉ có quấy trước hay sau, nhiều hay ít mà thôi.

Thế nhân thường vấp phải những chuyện như thế này là vì do chấp: chấp ngã, chấp danh ngôn. Đây là hai thứ chấp đã làm cho người ta điên đảo, đau khổ. Ngày nào con người còn chấp thì phiền não và khổ đau vẫn còn.

Để phá chấp, người tu cần phải thấy rõ thật tướng của sắc thân, vọng tâm và danh ngôn. Tất cả ba đều là sanh diệt tức có rồi mất, không thường hằng. Nhằm thấy rõ sự vô thường của cả ba đều HU' chứ không phải THẬT hầu tránh phát ra ác ngôn, tạo ác nghiệp, người tu cần phải rõ lý trong kinh tụng đọc hằng ngày và nên nghe theo lời Đức Hộ Pháp dạy, phải thường xuyên Hồi Quang Phản Chiếu, vì như Đức Ngài đã nói: "...quan sát lại mình và hành tàng của thế nhân ra sao...rồi gắm lại ta đang ở cảnh HU' hay THẬT."(xin xem bài viết về HQPC)

B.- Ngôn Ngữ do duyên hợp chứ bản thể là không:

Thật vậy, ngôn ngữ bản-thể của nó là không, chỉ do duyên hợp mà thành. Như một người khan tiếng đến tắt tiếng thì làm sao nói được. Người câm, người bị thụt lưỡi, hay bị cắt mất cái lưỡi thì cũng không nói được.

Một người khác, nếu cứ mím chặt cứng đôi môi thì làm sao phát ra thành lời. Nói như vậy để thấy rằng lời nói tự nó không có mà do duyên hợp của môi, lưỡi, âm thanh, óc, cổ, họng, phổi, lồng ngực hợp lại mới tạo thành được. Nếu một trong tám yếu tố nêu trên mất đi thì tiếng nói cũng mất theo. Nói khác hơn, lời nói tự bản-thể của nó là không mà chỉ do duyên hợp nên giả có mà thôi.

Vạn pháp trên thế gian, kể cả thân xác này cũng vậy, đều do duyên hợp. Hề duyên còn hợp thì vẫn còn mà duyên tan thì bại hoại ly tán, là mất. Lời nói cũng thế. Nếu tám yếu tố tạo thành ra nó còn thì nó còn, nhưng nếu một trong tám yếu tố tạo-thành ra nó mất thì nó cũng biến mất. Nó chỉ là một giả tướng duyên-hợp, hay nói rõ hơn, là tướng tùy duyên tam có chứ không có thực thể.

Đã biết bản chất lời nói không thật thì tiếng khen, tiếng chê, tiếng chưởi rửa do lời nói tạo thành có thật không? Cũng không thật. Người tỉnh thấy không thật nhưng người mê trái lại vẫn cho lời nói là thật vì họ chấp thân, chấp tâm và chấp cả danh-tự ngôn-ngữ. Chính do sự cố chấp này đã làm cho con người điên đảo, phiền não, tâm loạn rồi từ đó sanh ra khẩu ý chẳng lành.

Ngày nào con người chưa thấy rõ thế nào là HU' thế nào là THẬT như lời Đức Hộ Pháp đã dạy, ngày nào con người chưa tỉnh vẫn còn mê, còn chấp thì ngày đó phiền vào vẫn đầy đầy. Chỉ có sự tỉnh-giác, thấy được chân tướng của một sự vật, của thân, của vọng tâm và của ngôn ngữ với bản tánh vốn không, duyên hợp giả có, thì mới đưa được con người ra khỏi cảnh phiền não mà khổ đau.

C.- Ngôn Ngữ không thật và không phải là sự thật:

Xin kể ra đây một câu chuyện mà các Thiên Sư cũng thường nhắc đến để chỉ nhiều khía cạnh trong đó có khía cạnh ngôn-ngữ không thật và không phải là sự thật. Câu chuyện như sau:

Có một thầy tu nọ vì muốn việc tu-hành của mình được mau tinh-tấn nên đã lìa gia-đình đi vào rừng cắt một cái cốc

đều tu. Hằng ngày vào buổi sáng ông ra làng gần đó khát thực và đến trưa trở về cốc tịnh tu. Ngày lại tháng qua, một hôm ông lâm bệnh nặng không còn đi được nữa. Ông nằm một mình trong cốc.

Một hôm, có một cô gái vào rừng kiếm củi. Cô gái vô tình đi đến cái cốc của thầy tu. Cô thấy ông nằm run rẩy và nóng sốt. Với lòng từ tâm muốn cứu giúp người tu hành, cô chạy vội về nhà lấy thuốc và thức ăn mang đến cho ông. Cô lo việc đó được vài ngày thì có nhiều người trong làng để ý. Họ rình mò theo dõi và thấy cô gái đang ở trong cốc với thầy tu. Họ nghĩ rằng giữa thầy tu và cô gái này đã có tư tình. Việc này được đồn lan ra và cả làng đều biết.

Thầy tu sau khi hết bệnh đi khát thực trở lại, như thường lệ trước đây. Khi vào làng ông thấy dân làng nhìn ông với cặp mắt khinh miệt và thái độ đối xử khác hẳn khi xưa, không còn kính-trọng nữa. Ông tìm hiểu và cuối cùng được biết đã có những lời đồn vang ông tư tình với cô gái. Họ nói ông tu mà phạm giới nên không cúng dường nữa.

Thầy tu buồn lắm vì ông giữ giới hạnh rất cẩn thận thế mà bây giờ người ta lại nói ông phạm giới. Ông nghĩ chỉ có cái chết mới minh oan được cho ông. Ông bèn đến một gốc cây chặt một cái vòng trên cành để treo cổ tự tử. Khi ông sắp đưa cổ vào vòng thì có vị thần hiện ra.

-Vị thần hỏi ông vì sao mà phải tự tử.

-Ông kể lại hết câu chuyện và kết luận rằng ông đã hành-trì giới cấm rất nghiêm nhặt thế mà bây giờ người ta lại nói ông phạm giới làm cho ông đau khổ không chịu nổi nên phải tự vạ.

-Vị thần hỏi ông đã tu được bao lâu rồi.

-Ông trả lời mới tu được hai năm.

-Vị thần nói với ông rằng: “Ông đã tu được hai năm, và bây giờ người ta nói ông thành Phật rồi, vậy ông có thành Phật được không?”

-Ông trả lời làm sao ông thành Phật được vì công tu-trì còn ít quá.

-Vị thần bèn nói tiếp rằng: “Người ta nói ông thành Phật nhưng vì công tu còn ít ông không thành Phật được. Vậy người ta nói ông phạm giới, nhưng ông không phạm giới, vậy ông có trở thành phạm giới được không?”

Nghe đến đây thầy tu tỉnh ngời, bỏ ý định tự tử, bái tạ vị thần và lui về cốc tiếp tục tu hành.

Câu chuyện này cho thấy người đời khi nói là do nghi-ngờ, vui buồn hay thương ghét.v.v. mà nói thôi, chớ lời nói ấy không hẳn là thật, không phải là sự thật tức lời nói chỉ có danh ngôn chớ không có thực nghĩa.

Đã biết lời nói không có thực nghĩa vậy thì chấp nó làm gì. Cũng chính vì chấp nó mà người ta luôn luôn bị đau khổ và phiền não phủ vậy. Khi con người vẫn còn chấp ngôn-ngữ là thật, các pháp thế gian là thật thì lúc đó con người vẫn còn phiền não và đau khổ triền miên. Nếu các pháp là thật thì được là mừng, mất là khổ, khen thì vui, chê thì buồn, và cứ như thế mà cuốn trôi trong vòng sinh tử luân-hồi biết đến ngày nào mới thoát ra được.

Chỉ khi nào con người thấy rằng ngôn ngữ cũng như các pháp thế gian không thật, mà chỉ có giả tướng, do duyên hợp tạo thành, nên tạm gọi là có, chớ thật ra tự tánh hay bản thể của nó vẫn không, thì ngày đó mọi phiền-trược thế-gian, dù con người không muốn cũng tự nó tiêu trừ.

Giả dụ có một người chưởi ta nhưng ta hỉ-xả, chỉ cười thôi và không chưởi lại, tức ta không nhận tiếng chưởi của ấy. Như vậy tiếng chưởi kia sẽ đi về đâu? Nó sẽ tan biến vào hư không, vào cõi vô sanh mất dạng, ngoài ra còn trở ngược lại người đã dùng ngôn-ngữ để chưởi ta nữa.

Họ chưởi là đã hành ác khẩu mà ác khẩu có ở đâu thì ác nghiệp tùng theo đó, rồi ác nghiệp này sẽ dẫn dắt con người đi vào ác đạo luân hồi. Vậy ta nên giận hay không nên giận người chưởi ta. Ta không nên giận mà trái lại còn dùng từ-tâm để hỉ xả cho họ nữa. Biết rằng họ vì nhất thời mê-muội tạo ác-nghiệp do ác khẩu thì tội nghiệp cho họ lắm vì họ phải trả vạy.

Lời nói, tiếng chưởi không cắt được da xẻ được thịt, nhưng nếu ta chấp nó, thì tự thấy đau thấu tận tâm can. Nhược bằng không chấp, vì nó chỉ là danh ngôn, là giả tướng chớ có thật đâu, vậy chấp làm chi, như thế tâm ta vẫn an-nhiên tự tại, con đường Đạo rộng mở thân thang.

D.- Ngôn-Ngữ là không theo Kinh Kim Cang, Niết Bàn Lăng-Già:

1.- Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật hỏi ngài Tu Bồ Đề:

“Này Tu Bồ Đề, Như Lai có nói pháp chăng?...

Pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp.....”

Tại sao Đức Phật lại bảo rằng pháp Như Lai nói đều không thể nói? Tại vì thật tướng của pháp xa lìa ngôn-thuyết, nói rõ hơn, ngôn-thuyết không thể nói tới được Chân-Lý Tuyệt Đối như là Đạo. Đối với Chơn Lý Tuyệt Đối, ngôn-ngữ có thể dùng để chỉ cho thấy mà thôi.

Vì lý do này nên trong nhiều chùa có tượng Đức Phật đang đứng và ngón tay chỉ lên trời. Đây là Phật dùng ngón tay để chỉ mặt trăng. Ngón tay giả-dụ cho ngôn-ngữ, cho Phật thuyết, còn mặt trăng giả-dụ cho Chân-Lý Tuyệt-Đối là Đạo. Ngón tay không phải là mặt trăng. Ngón tay dùng chỉ mặt trăng ở trên cao xa xôi chớ không chạm tới mặt trăng được.

Nói khác hơn, ngôn-ngữ được dùng để chỉ Chân-Lý Tuyệt-Đối chớ ngôn-ngữ không nói tận cùng Chân Lý Tuyệt-Đối là Đạo được, và ngôn-ngữ cũng không thể là Chân-Lý Tuyệt Đối chớ ngôn-ngữ không nói tận cùng Chân Lý Tuyệt-Đối là Đạo được, và ngôn-ngữ không thể là Chân-Lý Tuyệt-Đối.

Ngôn-ngữ hay ngôn-thuyết được lập để phủ trừ những tư-tưởng lầm lẫn của chúng sanh, vì chúng sanh còn mê muội và cần phải được cứu-độ nên không thể không nói, do đó mà phải dùng ngôn-ngữ để lập ngôn-thuyết.

Nhưng ngôn-thuyết tự nó không có thực tướng như đã nêu ở A.B.C., vì thế nên Phật bảo “nói mà không nói”. Nói là để chỉ, để cứu độ chúng sanh. Không nói là không nói đến nỗi không nói hết được Chân Lý Tuyệt Đối.

2.- Trong Kinh Niết-Bàn hay Kinh Lăng-Già Phật nói: “Ta nói pháp 49 năm chưa từng nói một chữ “

Tại sao vậy? Tại sao Phật có nói pháp mà lại bảo rằng chưa từng nói một chữ? Như vậy là Phật phủ nhận những lời Phật đã nói hay sao? Nếu hiểu theo nghĩa Phật phủ nhận tất cả những lời Phật nói thì tất cả Kinh nhà Phật phải đem đốt hết vì đó là Phật Pháp do Phật thuyết mà có. Nhưng không phải vậy.

Pháp mà Phật nói chia ra làm hai phần:

a- Pháp là phương-thức Phật giáo-hóa chúng-sanh, đó gọi là Phật Pháp. Đó là Pháp mà Phật nói 49 năm lập thành tạng kinh gọi là Phật Pháp để dạy chúng-sinh nói theo đó mà tu

b- Còn Pháp là Pháp Tánh là cái sẵn có trước Phật chớ không phải đợi đến khi Phật ra đời mới có. Phật ngộ được Pháp Tánh đó nên thành Phật mà Pháp Tánh không thể dùng ngôn-thuyết nói tới nổi.

Vì vậy, đứng về mặt Pháp Tánh, Phật chưa nói một chữ, vì ngôn ngữ là hữu-vi, nằm trong đối-đãi, là sanh diệt còn Pháp Tánh là vô-vi, thoát ngoài đối đãi, là không sanh không diệt.

Như vậy, kinh Kim Cang, Niết Bàn và Lăng Già cho thấy sự giới hạn của ngôn-ngữ. Ngôn-ngữ hay văn-tự dùng để chỉ rõ giáo-lý, giáo-pháp cho người tu noi theo đó mà tu thì lợi lạc vô cùng. Nhưng ngôn ngữ được dùng để tranh luận, nói phải nói quấy, nói hơn nói thua, khen chê để rồi thương hay ghét thì chỉ làm cho con người càng sa đọa, càng xa Đạo mà thôi.

E.- Ngôn Ngữ hạn-hẹp theo Đạo-Đức Kinh:

1.- Trong Đạo-Đức-Kinh, Đức Lão-Tử có nói: “Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri”.

Nếu cứ hiểu một cách nôm na thì hai câu trên có nghĩa là biết thì không nói mà nói thì không biết gì cả.

Với nghĩa nôm na, như vậy có đúng không?

Nếu con người hiểu được rằng tam-giới duy tâm, vạn pháp duy thức, vạn vật vô thường, thế gian vô-ngã thì thôi còn nói đúng sai, phải quấy, tốt xấu, khen chê nữa để làm gì.

Thật vậy, thế-gian là vô thường vì có cái gì, kể cả thân xác này thường hằng mãi mãi được đâu. Nói vô- thường vì nó biến đổi thường xuyên để đi đến biến-hoại. Sự hoại-diệt này làm cho người đời rất sợ. Người đời sợ vô cùng khi nghe nói đến nó. Sợ đến nỗi người đời hình dung nó như là một con quỷ đến để hớp hồn.

Nhằm để chỉ sự ác-nghiệt của con quỷ này và để khuyên-nhủ tín-đồ rán lo tu mà trong kinh Lám Hối phần Thế-Đạo có câu “Quỷ vô thường sẵn chực đem đi”, và trong đàn cơ bằng tiếng Pháp ngày 19 tháng 12 năm 1926 có nói: “Donnés par un humain, ils ne sont que trop humains. Ce qui vient d'un homme n'a rien de résistant. C'est sujet à détérioration. Ils sont détruits dès qu'on enlève la vie de celui qui les détient.” để chỉ sự vô thường.

Vô thường thật sự là một định-luật thiên-nhiên và tự-nhiên không thể thay đổi hay đổi dời. Nó chi-phối vạn-vật trên thế gian này, kể cả con người. Với con người thì sinh, lão, bệnh, tử, với sự vật thì thành, trụ, dị, diệt, còn với thế giới vũ trụ thì thành, trụ, hoại, không.

Đây là luật Tuần Hoàn của Tạo-Hóa mà không một ai, không một sự vật nào bước ra khỏi, hay đứng ngoài được.

Biết như vậy không phải để cho con người bị-quan, buồn lòng nản chí, mà thấy được như vậy là thấy sự thật, là chánh-kiến. Sự thật trong vũ trụ và trên cõi đời là y như vậy.

Chánh Giáo đạo Cao Đài có 4 câu như sau:

“Thơ thơ chi lắm cũng mùi đời.

Chưa kẻ dùng nên của để chơi.

Mua bán lọc lừa như buổi chợ.

Về nhà chưa tới đã qua đời”

Đời của con người là như thế. Nó như một giấc mộng dài. Con người có thể sống đến tám chín mươi tuổi nhưng cũng có thể thấy đó rồi mất đó. Có ai tránh được cái chết đâu. Hề có sinh là phải có tử.

Biết sinh-tử là lẽ đương nhiên, thành, trụ, hoại, không là lẽ bản nhiên như nhiên, tại sao con người không dùng quảng đời mình với lòng từ-tâm ban bố thiện-lành cho đồng loại và cố gắng tu-trì. Hơn thua nhau chi một lời nói, mà lời nói có thật đâu. Nó không có thật thể mà chỉ giả-danh thôi. Vậy chấp nó làm gì, chỉ chuộc lấy phiền não và khổ đau thôi.

2.- Thật ra với câu “tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri” Đức Lão Tử muốn chỉ cho người ta biết rằng lời nói không có khả năng diễn tả nổi cái lý vô-vi của vũ-trụ, không thể nói tới nổi bản-nguyên của vũ-trụ là Đạo.

Ngay trong chương đầu của quyển Đạo Đức Kinh. Đức Lão Tử đã nói “Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh” có nghĩa Đạo là bản-thể của vũ-trụ cho nên khó có thể dùng ngôn-ngữ để phân-tách thống suốt được.

Đạo là vĩnh cửu bất-biến không thể diễn-tả được bằng ngôn-ngữ. Điều này cho thấy khả năng hạn chế của văn-tự ngôn-ngữ, vì văn-tự ngôn ngữ vốn giả-lập, chỉ có giả-danh.

Đã biết văn-tự ngôn-ngữ vốn giả-lập và chỉ có giả-danh, vậy thì thôi ăn thua nhau chi từ lời ăn tiếng nói làm gì. Nếu phải nói thì nên cố gắng nói thiện lành, thương yêu, hòa-ái, bằng ác khẩu thì chỉ tạo thêm ác-nghiệp có giúp ích-được gì trong bước đường tu-tập đâu.

Có câu:

“Lời nói khô mắt tiền mua.

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.”

IV.- NGÔN-NGỮ VÀ “VONG-NGŨ” TRONG ĐẠO CAO-ĐÀI:

Đạo Cao-Đài được thành lập tại nước Việt Nam, Kinh Kệ và Cơ-Bút viết bằng Việt Ngữ, hầu hết với lời lẽ trong sáng và dễ hiểu.

Trong việc dạy dỗ tín đồ cũng như người đời qua Kinh, Cơ, Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng, đặc biệt chú trọng vào lời nói hay Ngôn ngữ, nhất là “giới Vọng Ngữ” mà tín đồ hay người đời thường dễ sai phạm nhất.

Với người đời mà phần nhiều vẫn còn mê chưa tỉnh nên việc chấp ngã, chấp ngôn còn rất sâu nặng. Vì còn mê-làm nên nhiều người thường coi lời nói như một phần không thể thiếu trong đời sống của mình.

Có người cái gì cũng nói, gặp đâu nói đó, nói ma, nói Phật, có khi nói rồi cũng không biết mình đã nói những gì. Sở dĩ người đời hay nói, nói ma, nói Phật là cũng tự tâm mà ra. Hề tâm ma thì nói theo ma, còn tâm Phật thì nói như Thánh nói.

Thật vậy, cũng là lời nói nhưng có lời nói của ma và lời nói của Thánh hay Phật. Ma nói là do Tâm ma, nói để tranh giành cái thấy, cái biết, khoe khoang cái hay cái giỏi của mình.

Ma nói là do chấp tướng, mà bất cứ lời nói nào do chấp tướng đều là hư vọng, vì tự tướng nó đã là hư-vọng rồi (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng).

Nói do chấp tướng, do vọng thức phân biệt, do tâm thức chấp trước, tức do tình mê nương theo kiến chấp dấy lên, tất cả đều là lời nói của ma. Lời nói của ma thường để đe dọa, áp đảo, mê hoặc hay cám dỗ, khác với lời nói của Thánh hay Phật là để chỉ rõ cho nhơn sanh thấy chỗ tội cùng của Chơn Lý, rồi từ đó lập ngôn.

Ma ở khắp cùng trong thế gian. Ma là bốn chướng ngại cản trở bước đường tinh ngộ của người đời và sự tu trì của tín đồ các đạo. Chúng chẳng những xuất hiện đầy dẫy ngoài xã hội, mà còn hiện diện ngay cả trong Thánh Thất, trong Chùa.

Như trong Thánh Ngôn đã nói:

“Bày đàn ai khéo sắm đàn giây,

Để qui để ma ở cả bày.

Lần bản cứ theo toan cám dỗ,

Làm cho nên nổi đạo xa Thầy.”

Giáo lý đạo Cao-Đài cũng như đạo Phật có chỉ rõ ma cũng đó mà Phật cũng đó, nói khác hơn, địa ngục cũng là ta, súc sanh ngựa quỷ cũng là ta, con người cũng là ta và Thần, Thánh, Tiên, Phật cũng là ta.

Hễ ta lạm sát giết người tức là ta đã tự mở cửa địa ngục cho ta rồi. Hễ ta chưởi rủa, đánh đập, hiếp đáp người thì khác nào con cọp gầm gừ rồi cắn xé con nai. Hễ ta dùng lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ để hại người, hoặc hăm dọa, dùng thủ đoạn để bắt người khuất phục thì có khác nào mưu mô chước quỷ của loài nạ quỷ.

Nhưng nếu ta nhận biết và giữ gìn nghiêm ngặt ngũ giới thì ta hiện tại là con người và ít nhất sẽ là con người ở kiếp sau chắc chắn. Hơn thế nữa, nếu tâm ta thanh tịnh thì ta là Hiền Thánh, và biết tự giác, giác tha viên mãn thì quả Phật sẵn chờ.

Tóm lại, hiện tại ta là con người nhưng biết đầu tiên kiếp nào đó ta là súc sanh có công tu được chuyển kiếp người, hoặc ta là Thánh, Tiên vì lầm lỗi mà bị đọa trần.

Điều này được nói rõ trong đàn cơ năm Bính Dần 1926 tại chùa Gò Kén Tây Ninh.

Thầy nói: “Trần là cõi khổ để đọa bậc Thánh Tiên làm lỗi”, và trong Thánh Giáo Thầy cũng có dạy:

“Một ngày thôn mỗ một ngày qua,
Tiên Phật nơi mình phải ở xa,
Luyện đặng tinh thông muôn tuổi thọ.
Cửa Tiên xuất, nhập cũng như nhà.”

Biết con người có người cốt Tiên hay Phật, và cũng dễ trở thành ma, chỉ do tâm ma mà ra, nên Thầy ân cần tha thiết khuyên bảo con Thầy rán lo tu để trở về ngôi xưa vị cũ là Thánh, Tiên hay Phật.

Trong quá trình dụng công tu tập, người tín đồ để tránh nghiệp thân nhưng khẩu nghiệp thì lại khó hơn nhiều.

Dù người tu không phạm vọng ngữ, xảo ngữ, lường ngữ và ác ngữ, nhưng với một lời nói đùa thôi thì cũng đủ để tạo nghiệp rồi, chẳng hạn như sự dễ vui có thể trở thành ác khẩu.

Thí dụ có một anh đánh bạc thua phải bán tất cả tài sản và vợ chồng gầy gổ đi đến ly dị. Anh đã đau khổ lắm rồi và nỗi khổ đau ấy luôn luôn vằng vặc. Có người gặp anh ấy vừa cười vừa nói đùa: “Ê, lúc này chắc đánh bài cao lắm rồi hả?”

Câu hỏi dễ vui, chỉ vô tình có thể nhắc lại sự đau khổ của anh và âm thầm khơi dậy nỗi khổ đau cùng thảm thiết hơn nữa. Làm cho người khác đau khổ dù chỉ lời nói dễ vui cũng là phạm khẩu nghiệp, là có tội. Bất cứ lời nói nào gây đau khổ cho người khác là có tội.

Do những nét vi tế của ngôn ngữ dễ tạo thành khẩu nghiệp nên trong đạo Cao Đài Thầy luôn luôn ân cần nhắc nhở tín đồ:

A.- Nên nói thật nếu cần phải nói. Nên liệu lời mà nói. Nói đúng chỗ, đúng nơi, đúng lúc. Nên nói ít chớ đừng nói nhiều.

Thầy dạy:

“Tích phước con ơi, tích phước con
Con còn lắng lú lảm nghe con.
Con thương con trẻ là thương Đạo.
Đạo chẳng ở xa ở tại con.”

và:

“Định ninh Thầy dặn trẻ đôi lời,
Mình biết phận mình giữ đó thôi;
Mặc kẻ thường tình ngu biếm nhẽ,
Phải coi nên chỗ để nên lời.”

Thầy bảo tín đồ phải coi nên chỗ để nên lời, tức phải lựa lời mà nói để lập ngôn. Lập ngôn có nhiều ý nghĩa rất thâm diệu, nhưng quan trọng nhất và quý nhất là ở chỗ làm sao lời nói cảnh tỉnh được người.

B.- Đừng nói xảo-mi. Đừng nói với mưu kế gian. Đừng nói khen chê và đừng di-nghị việc người:

Trong đàn cơ ngày 20 tháng 2, 1926 Thầy dặn rất rõ: “Thầy cấm các con di-nghị việc người.”

Và trong Thánh Ngôn Thầy dạy như sau:

“Cho hay Trời Phật rất công bình.

Trước mắt ngờ ngờ thấy phép linh.
Huyền diệu mũi kim qua chẳng lạt.
Đừng đừng xảo mị gọi tài đình.

và:

“Cung trượng chùn đỡ thế nào đang.
Mắt phước ôn nhu ấy mắt nhân.
Quyền biến dầu dùng khi buổi ngặt,
Dần lòng nhớ tránh kẻ mưu gian.”

Dùng kẻ mưu gian cốt để hại người bằng cách nói đâm thọc, nói như mình có đến hai cái lưỡi để gây bất hòa, hờn giận, thù hận; dùng lời nói xảo mị thêu dệt, diển dịch ý tưởng của người khác theo ý riêng của mình với mục đích gây chia rẽ, xào xáo, mất đoàn kết, cả hai loại ngôn ngữ này đều tạo nên khẩu nghiệp. Đây là hai trọng tội về khẩu.

Ngoài ra, với nghiệp ngôn “dị nghị việc người” tưởng rằng không tội, mà nếu không tội thì Thầy ân cần dặn dò nhắc nhở làm gì.

Trong đàn cơ dạy về “Bất vọng Ngữ” năm Mậu Thìn 1928, Thầy bảo: “Nơi Tòa phán xét, chẳng một lời nói vô ích mà bỏ, nên Thầy dạy các con phải cẩn ngôn, cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.”

Lời dạy của Thầy quá rõ ràng. Dị nghị việc người dễ mang trọng tội. Dị nghị việc người là đem việc người ra mà bàn tán. Thế rồi quen bàn tới, tán lui mãi làm cho tâm loạn trở thành thói quen hay nói.

Thói thường, con người với tánh nết tán kỹ hũy tha, khen mình chê người nên hay nói. Có người để khen mình mà nói, để chê người mà nói, phải cũng nói, quấy cũng nói, đúng cũng nói, sai cũng nói, hay cũng nói, dở cũng nói, nói mãi rồi đâm ra quen nói hay dở, phải quấy, đúng sai, tốt xấu, v.v. toàn là những chuyện thị phi.

Thị có nghĩa là phải. Phi có nghĩa là quấy. Nếu cứ nói phải nói quấy thì phải quấy biết đến chừng nào mới xong vì ít ai nhận mình quấy mà thường chỉ thấy mình phải.

Có câu:

“Thuyết thị thuyết phi hà nhật liễu
Vô minh hải hoạt ngã sơn cao.”

Nghĩa là nếu cứ nói phải nói quấy thì biết đến ngày nào mới nói hết được. Càng nói thì càng làm cho sự mê muội, sự vô minh của mình càng thêm rộng lớn như biển cả mênh mông và cái ngã của mình càng cao như núi. Chính cái ngã này đã bại-hoại con người, khiến con người tán kỹ hũy tha.

Thật vậy, nếu thấy ngã tướng mình cao thì theo sau đó ngã kiến của mình là hay là đúng, ai đụng tới thì chẳng chịu thua. Vì thấy ngã tướng ngã kiến cao nên từ đó sanh ra càng ái ngã, thương nó và bảo vệ nó bằng bất cứ giá nào.

Từ ngã tướng, ngã kiến, ngã ái đưa đến ngã mạn, xem thường mọi sự, mọi vật, mọi người. Đây là cái bệnh chấp ngã.

Người chấp ngã, thấy ngã cao có ba thứ tâm bệnh:

a-Dễ coi thường, dễ khinh khi người khác:

Coi thường hay khinh khi người khác là một cái tội vì con người ai cũng có Chơn Linh, và mọi Chơn Linh đều bình đẳng khi Thầy ban, chỉ khác nhau ở chỗ mê hay ngộ khi đã nhập thể mà thôi. Thầy ban cho các con Thầy mỗi người một Chơn Linh đồng đều, không ai hơn, không ai kém. Vậy coi thường bất cứ người nào là không trọng Chơn Linh mà Thầy đã ban đồng đều cho các con của Thầy vậy.

b-Dễ nổi sân:

Người thấy ngã mình cao dễ bị chê là hờn giận, dễ nổi sân, mà sân si là một trong tam độc, một trong thập ác đối với người tu. Nếu phạm phải sân, cửa Thiên đình liền đóng, vì muốn đến được Thiên đình thì phải hành từ thập thiện mà một trong thập thiện là tránh được sân.

Thầy có dạy:

“Trình ta ta sẽ đỡ nâng chơn,
Khuyên một điều con khá giảm hờn.
Hễ ghét người thì Trời ghét lại,
Ghét người Trời ghét lẽ nào hơn.”

Nghĩa là các con Thầy nếu người nào muốn trở về ngôi vị cũ hãy đến trình Thầy. Thầy sẽ chỉ cho nẻo CHƠN để tránh nẻo HƯ, cái THẬT để tránh cái GIẢ. Trước tiên Thầy khuyên đến trình Thầy và tiếp theo đó Thầy khuyên hãy giảm hờn tức đờng nổi sần, đờng ghét bỏ ai vì hễ ghét người thì bị Trời ghét vậy.

c- Dễ Vị kỹ và ác độc:

Thật vậy, người chấp ngã cái gì cũng muốn mình hơn, chỉ nghĩ cho mình. Đó là Vị Kỹ. Càng vị kỹ thì lại càng ác độc. Sở dĩ chê người khác là để đưa mình cao thêm, để tăng cái ngã của mình, chẳng cần biết đến sự đau khổ của người bị chê, thế là ác độc.

Khen chê, nói phải quấy, nói đúng sai là cố ý phô bày cái dở, cái quấy, cái sai của người khác và chỉ có mình là hay, là phải, là đúng, là tốt, là giỏi mà thôi.

Tuy nhiên, nếu xét kỹ, đúng và sai có phải tuyệt đối đúng và sai không; tốt và xấu có phải tuyệt đối tốt và xấu không; phải và quấy có tuyệt đối là phải và quấy không, v.v.? Không phải như vậy. Cách thấy vừa nói chỉ là cách thấy biên kiến, phiến diện, hai bên đối đãi, chớ không phải là chơn lý.

Sự thật không có cái gì tuyệt đối, cố định cả, mà mọi sự vật luôn luôn biến đổi. Cùng một sự việc mà có thể đúng nơi này, sai nơi khác, đối với người này thì phải, người kia thì quấy, v.v. tức tùy thuộc vào không gian, thời gian, cá nhân hay tập thể.

Xin đơn cử những thí dụ như sau:

1.- Đúng sai: Đúng sai không tuyệt đối cố định mà luôn luôn biến đổi. Đúng sai tùy thuộc vào không gian, thời gian và con người.

* **Về không-gian:** như tại nước Anh và các nước thuộc Khối Thịnh Vượng Chung (Commonwealth) thì người ta lái xe bên tay trái đường lộ. Vậy lái xe tay trái là đúng mà lái bên tay phải là sai. Trái lại, tại nhiều nước khác, rõ nhất là nước Pháp, lái xe tay trái là sai mà lái bên tay phải mới đúng. Chỉ cách nhau về không gian có 30 cây số với eo biển Manche mà đúng sai khác biệt hoàn toàn, quá rõ ràng.

* **Về thời gian:** như tại nước Tàu và vài nước kế cận, trước đây vua là thiên tử. Vua muốn giết ai cũng được. Bề tôi trung với vua khi vua bảo chết là phải chết. “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung” mà hình ảnh Tỳ Cang là điển hình.

Thử hỏi ngày nay quốc trưởng nước Tàu còn có thể bảo người nào thì tự động người ấy phải tự tử được không. Chắc chắn là không. Thời gian đã làm thay đổi. Ngày xưa đúng, ngày nay sai. Đúng sai tùy thuộc vào thời gian.

* **Với con người:** đúng sai tùy căn cơ, tùy nhận thức của mỗi người. Chuyện kể có một cặp vợ chồng ra đồng làm việc, chồng đi, vợ điếc. Khi cả hai đang gặt lúa bỗng có vua đi qua ở trên lộ xa xa. Đoàn của vua đi cờ xí rợp trời trống chiêng inh ỏi. Người vợ hỏi chồng cái gì vậy.

Chồng vì điếc chẳng thấy mà chỉ nghe nên bảo rằng tiếng kèn, trống, chiêng hòa nhau nghe vui quá. Người vợ vì điếc cãi lại tiếng kèn, trống, chiêng đâu có chỉ có cờ xí phát-phới thôi. Hai người cãi nhau rồi giận nhau bỏ về không gặt lúa nữa. Như vậy hỏi ai đúng, ai sai.

Không ai hoàn toàn đúng mà cũng không ai hoàn toàn sai. Đúng sai là tùy căn cơ, tùy cái nghe, cái thấy, cái nhận thức của mỗi người. Đúng sai không tuyệt đối, cố định mà chỉ tương đối thôi.

2.- Phải quấy:

Phải quấy cũng vậy. Phải quấy không cố định mà biến đổi tùy nơi, tùy lúc. Như tại các nước theo Hồi Giáo, người đàn ông được quyền có 4 vợ. Như vậy, chánh thức có 4 vợ là phải chớ không quấy chút nào cả. Còn tại Hoa Kỳ hay Việt Nam và nhiều nước khác, người đàn ông có hai vợ đã là quấy lắm rồi, đừng nói chi tới ba bốn. Như tại nước Uìc chẳng hạn, theo luật thì bất cứ ai có hai vợ là phạm tội, đã thành tội rồi chớ không còn nói chi phải quấy nữa.

Thí dụ thứ hai là thời xưa ở Việt Nam, con gái cha mẹ đặt đâu ngồi đó. Vậy là phải, cãi lại là quấy. Ngày nay, phần lớn ở Việt Nam đã khác, nhưng đặc biệt ở ngoại quốc như nước Uìc chẳng hạn, hầu như con đặt đâu coi được được là cha mẹ sẽ ngồi đó vậy không có quấy chút nào cả. Văn hóa Uìc như thế, không có gì quấy mà là như vậy.

3.- Thiện ác:

Thiện ác cũng vậy. Cũng cùng một sự việc mà đối với người này là thiện, đối với kẻ kia thì ác. Như một con chồn, vào một buổi chiều trời sắp tối. Nó rượt theo con gà để bắt làm mồi ăn và tha về cho con nó ăn. Có một cậu bé thấy vậy, muốn cứu con gà, nên đuổi con chồn đi. Chú chồn chạy đi và không bắt được con mồi. Đêm đó nó nhịn đói và con nó cũng bị đói. Vậy với chú chồn thì cậu bé là ác vì làm cho mẹ con nó đói. Nhưng với cậu bé thì cậu đã làm một việc thiện cứu được con gà.

Vậy cũng một sự việc mà thiện ác không cố định mà tùy nơi, tùy lúc, tùy người mà trở thành thiện hay ác.

4- Đúng với đúng là sai:

Xin được kể ra đây câu chuyện “Phong Phang”

Lục Cổ Huệ Năng được Ngũ Tổ Hoàng Nhân trao Y-bát để làm tổ Thiên Tông, thứ 6 lúc Ngài Huệ Năng vẫn còn là một cư-sĩ chớ chưa phải tu sĩ. Ngũ Tổ ban đêm đưa Ngài ra bến đò chạy về phương Nam. Phe Thượng Tọa Thần Tú đuổi theo để giật y bát lại.

Tổ Huệ Năng phải lẩn trốn, rày đây mai đó, có lúc phải sống với bọn thợ săn và đi săn thú.

Khi Ngài đến được Quảng Châu vào sân chùa Pháp Tánh lúc Pháp Sư Aán Tông đang giảng kinh Niết Bàn. Ngoài sân chùa có hai vị tăng cãi nhau mãi không thối về việc lá phướng treo trong sân chùa đang bay trước gió. Một vị tăng nói phướng động. Vị tăng khác nói gió động. Không ai chịu thua. Ai cũng cho rằng mình đúng không chịu mình sai.

Tổ Huệ Năng bèn tiến đến bảo: “Không phải gió động, cũng không phải phướng động, mà tâm của hai ông động.”

Thật, là một câu nói đầy bất ngờ từ một cư sĩ. Câu nói này có nghĩa cả hai vị tăng, mỗi người đều tự cho mình đúng, nhưng cả hai đều không đúng, mà cả hai đều sai.

Sở dĩ Tổ nói không phải phướng động, cũng không phải gió động là vì nếu có là phướng mà không có gió thì lá phướng làm sao động được. Nhưng nếu có gió mà không có là phướng treo trên cột phướng thì gió cũng không thể làm cho phướng bay được. Nhìn vào cột phướng đứng im lìm thì nào thấy động được.

Động ở đây là tướng duyên hợp, do hai hay nhiều yếu tố hợp lại mà thành tức có duyên hợp mới có động, không duyên hợp thì không động. Động là do hai yếu tố gió và phướng hợp lại, nếu chỉ nhìn một mà nói thì sai.

Tại sao Tổ lại bảo tâm hai vị tăng động? Vì hai vị tăng chấp và chỉ chấp có một bên. Khi chấp là dấy niệm để chấp. Dấy niệm thì phải dùng tâm. Dấy niệm do dùng tâm thì tức nhiên tâm động. Ở đây Lục Tổ muốn chỉ thẳng cái gốc của sự cãi nhau là do tâm chấp. Mà hệ dấy niệm chấp là có tranh cãi, và động là từ cái chấp đó mà ra.

Câu chuyện “Phong Phang” trong kinh Pháp Bảo Đàn muốn bảo người đời rằng: lời nói thường chỉ phiên diện thôi chớ không đạt được Chân Lý. Người đời vì chưa tỉnh giác vẫn còn mê muội nên thường hay tranh hơn thua qua lời nói.

Vì thế cũng trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có dạy rằng: “Người mê miệng nói, người trí tâm hành.”

Mà Đức Lão Tử từ trước cũng đã dạy: “Hành bất ngôn chi giáo.” Là vì theo Đức Ngài cái sai là bề trái của cái đúng, cái quấy là bề trái của cái phải, cái ghét là bề trái của cái thương, thương ghét là một không có gì khác nhau, mới thương đó rồi ghét đó, mới quấy đó rồi phải đó, mới sai đó rồi đúng đó.

Ở đời có ai quấy mãi đâu. Cũng có lúc làm phải. Ở đời có ai nói sai mãi đâu, cũng có lúc nói đúng. Phải quấy, đúng sai cũng từ ở một người, chỉ hiềm vì mê mà quấy và sai, còn tỉnh thì đúng và phải. Tất cả chỉ do tâm, mê hay tỉnh.

Do biết người đời nhiều mê ít tỉnh, nhận vọng tâm cho là mình, nhận giặc làm con (theo như lời nói của Đức Phật), chớ không thấy được Chơn Tâm nên Đức Lão Tử Khuyến người đời nếu muốn được Đạo đừng có nhìn sự vật bằng cặp mắt nhị nguyên, chia phân nhị ngã mà phải thấy cả thấy đều là một.

Người tín đồ Cao Đài hằng ngày cúng tứ thời thường nhìn thấy một đó là Thiên Nhân. Dù vậy, khi hết cúng đi về quên đi, cũng có người chấp nhị nguyên, nhị ngã rồi sinh ra bất đồng ý với nhau. Có gì là nhị nguyên, nhị ngã đâu. Cùng một người, nhưng có khi người ấy nói sai, làm quấy mà cũng có khi người ấy nói đúng, làm phải, chớ nào phải đó là hai người, là nhị ngã.

Sở dĩ người đời phiền não nhiều, khổ đau nhiều là cũng do chấp nhị ngã, nhị nguyên, tức chấp hai bên. Nhìn Sự hay Tướng thì có hai bên nhưng đạt Lý hay Tâm thì không có.

Giáo lý “Pháp Môn Bất Nhị” của nhà Phật có giải rõ giáo pháp này và Lão Giáo cũng có đề cập với “thuyết Tương Đối.” Trong Kinh Cơ của đạo Cao Đài cũng thế, cũng có đề cập đủ cả, chỉ hiềm vì Tạng Luận chưa được khai triển.

Trở lại với đạo Lão, cái mà Đức Lão Tử chống đối là nhìn mọi sự vật trên thế gian này, nhìn cuộc đời bằng khối óc phân chia dài ngắn, cao thấp, đúng sai, phải quấy, tốt xấu, thiện ác, khen chê, v.v.

Sự phân chia như vậy là sai, là trái Đạo. Sự thật chúng không rời nhau, chúng tương tùy, tương sinh. Thí dụ có cao mới thấy thấp, có ngắn mới thấy dài. Thử đem cây thước học trò gạch hàng giấy tập vở so với cây thước dài một thước của thợ mộc thì cây thước ngắn hơn cây sau.

Nhưng nếu đem cây thước của người thợ mộc so với cây thước giầy của người thợ may dài hơn hai thước thì đến lược cây thước mà ta nói dài tức cây thước của người thợ mộc lại trở thành ngắn. Nếu đem cây thước giầy của người thợ may so với giầy thước của một trác địa sư đo đất thì từ dài, cây thước của người thợ may tự nó trở thành ngắn, v.v.

Dài ngắn chỉ tương tùy, tương sinh, tương đối chứ không tuyệt đối. Có dài có ngắn là do sự phân biệt hữu lậu mà ra. Cao thấp, tốt xấu, khen chê, v.v. cũng vậy. Tất cả đều tương đối, tương sinh. Không có cái này thì chẳng có cái kia.

Đức Lão Tử nói: “Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, tiền hậu tương tàng.” để chỉ sự tương sinh, tương tùy, tương đối, v.v. Sở dĩ người đời phân chia cho đó là hai là vì óc phân biệt mà ra chứ nào phải là hai.

Đã biết vậy thì đừng nên nói hơn thua, cao thấp, có không, tốt xấu, khen chê. Nếu lấy óc phân chia này để so sánh, chỉ trích, phê bình nhau là điều chẳng nên làm. Lập ngôn mà cứ chỉ trích, phê bình nhau, không xa rời óc nhị phân, nhị ngã thì càng ngày càng xa Đạo.

Con người nếu muốn được Đạo thì phải bỏ cái óc chia phân. Đức Lão Tử gọi đó là “Giải Kỳ Phân” mà các thí dụ trong bài này về đúng sai, phải quấy, v.v. đã có giải phần nào dù chỉ rất ít thôi.

Với Thuyết Tương Đối và giáo pháp Giải kỳ Phân, Đức Lão Tử muốn chỉ cho thấy bậc Thánh Nhân sở dĩ đạt đến Đạo tức trạng thái Tuyệt Đối chỉ vì biết rõ mình có mắc bệnh Nhị Nguyên, phân chia nhị ngã.

Do biết có cái bệnh phân tán đó nên đã phòng ngừa và tĩnh ngộ. Đức Lão Tử nói: “Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.” Nghĩa là biết mình có tâm bệnh thì tâm bệnh đó sẽ được trị hết. Tâm bệnh này là cái bệnh cứ nói đúng, nói sai, nói phải, nói quấy rồi khen chê, thương ghét, v.v.

Đúng sai nào có khác hai bề mặt của một đồng tiền, đúng đó rồi cũng có thể sai đó. Phải quấy cũng do một người, chỉ vì tâm bệnh mà ra. Có gì là hai, có gì cố định.

Vậy thì còn khen chê làm chi, thương ghét làm gì. Nếu cần phải khen là cốt để khuyến thiện, cốt để giúp người được vui tươi hạnh phúc, ổn định tâm hồn. Nếu cần phải thương là để cứu người sa cơ, thất thế, già cả, tật nguyền hay gặp hoạn nạn, đó là hành thiện tạo nghiệp lành. Còn phỉ báng chê người, hay hờn giận ghét người chỉ có chuốc lấy ác nghiệp mà thôi.

Muốn “vô ngôn hành” được như lời Đức Lão Tử khuyên để tạo phước huệ, để đạt Đạo thì phải dùng Trí như Đức Ngài đã dạy. Trí đây là Trí Đạo tức Trí Tuệ, Giải Thoát mà nhà Phật gọi là Trí Tuệ Bát Nhã chứ không phải trí thế gian.

Trí Đạo hay Trí Tuệ Giải Thoát, theo tôn giáo Cao Đài, là trí thấy được “Nhược thiệt nhược hư; Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa; thị không thị sắc; vô vi nhi dịch sử quần linh...” và còn nhiều nữa bằng bạc trong kinh và cơ Đại Đạo.

Còn trí thế gian là trí làm cho mạnh được yếu thua, khôn còn dại mất... Về trí thế gian thì Đức Lão Tử chê lắm. Trong Đạo Đức Kinh, Đức Ngài có nói như sau:

“Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột” nghĩa là rất thẳng dường như cong, rất khéo dường như vụng, rất hùng biện dường như lấp bắp ấp úng vậy.

Có người khéo nói, nói giỏi, thường nói thao thao bất tuyệt để tranh biện, chứng tỏ rằng mình giỏi, mình hơn người, lý luận mình sắc bén, v.v. để rồi từ đó thấy người thua, người dở, mà nào có biết đâu khi mình càng trở tài hùng biện, phóng chạy theo sự tương thì tâm mình chỉ chứa chấp toàn vọng niệm điên đảo của thế gian chứ nào phải tâm đạo.

Dùng trí thế gian để hơn thua, theo vọng tâm để tranh chấp, chỉ cốt làm bại hoại cái tâm đạo mà thôi.

C.- Phần A và B đã bàn về vong ngữ, xảo ngữ, lường ngữ. Trong phần C xin được lam bàn về ác ngữ:

Con người bản ngã vốn ham sống và bảo vệ cuộc sống của mình bằng mọi cách. Theo triết gia Pháp Bergson thì đây là một thực tế. Triết gia Bergson mô tả sức sống mãnh liệt của con người (élan vital) qua hai bản năng. Đó là bản năng sinh tồn (instinct de conservation) và bản năng tàn phá (instinct de destruction). Hai bản năng này làm cho con người thiên về ác hơn là thiện.

Vi để bảo vệ mình nên bằng mọi cách con người phải diệt trừ tất cả mọi mầm mống, mọi yếu tố, mọi sự vật có thể làm hại đến mình.

Rồi với cái đà sức sống vươn lên (élan vital) con người phải tàn phá tất cả những gì cản trở đường mình đi, con đường tiến thủ của mình. Do đó mà trong việc làm hay lời nói, con người thường hay tìm cách vui dập, đê bẹp người khác, dù cho việc làm ấy có đúng hay sai đối với lương tâm, con người vẫn thờơ làm.

Làm và nói để chứng tỏ ta hay người dở, ta đúng người sai, ta phải người quấy, ta tốt người xấu, và nhất là ta cao và mọi người đều thấp hơn ta. Tất cả việc làm lời nói càng ngày càng làm cho con người giảm thiện tăng ác nếu chẳng biết tu đúng theo con đường chơn đạo.

Biết rõ người thế gian như vậy nên Đức Chí Tôn trước đây đã lần lượt sai các con Ngài xuống trần lập Đạo để dạy người đời tránh ác làm lành.

Ngày nay, Đức Chí Tôn tự Ngài giảng trần dạy đạo với nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Ngài đã qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, vì vậy mà trong giáo lý đạo Cao Đài có tất cả tinh túy giáo lý của tất cả các Đạo khác, trong đó việc hành thiện, tránh ác là một giáo pháp.

Đức Chí Tôn dạy các con Ngài một khi đã nhập môn rồi thì phải giữ gìn Ngũ giới, mà trong Ngũ giới thì ngữ giới là khó nhất, vi tế nhất, phạm hay không thường ở tại giới này.

Thật vậy, giết người, trộm cắp hay tà dâm rất dễ tránh, nhưng nói làm cho người đau khổ mà có khi mình hầu như không hay biết, thật khó tránh.

Đây là một nét vi tế về ác ngữ, do ác khẩu mà ra. Chính vì sự vi tế của ngôn ngữ mà Thầy khuyên bảo các con Thầy nên thận trọng cẩn ngôn, ít nói càng tốt, không nói càng hay.

Không nói đây chẳng phải không nói gì cả, vì nếu không nói gì cả thì con người làm sao giao tiếp với nhau được. Có nhiều người hiểu lầm chỗ này rồi tịnh khẩu, không nói lời nào, nhưng đi đâu thì cầm theo cây viết và tờ giấy.

Hễ muốn hỏi gì ai thì viết ra và có ai hỏi gì thì không trả lời thành tiếng mà chỉ viết trên giấy để trả lời thôi. Họ không biết rằng đó cũng là một trong nhiều cách nói. Người ta có thể nói bằng cách ra dấu, bằng hành động (body language) như đưa hai tay lên là nói đầu hàng, nhăn mặt là nói đau hay nói không đồng ý, v.v. Như vậy dù lời không nói nhưng ý lại có nói.

Tóm lại: Như trên đã trình bày, lời nói tự nó không có. Nó do 8 duyên hợp mà thành. Trong 8 duyên hợp này quan trọng nhất là ý (nảo).

Lời nói là do từ ý mà nói. Không nói là không có ý để nói. Ý là chủ, là thể mà lời chỉ là dụng, là phương tiện mà thôi. Nếu con người không có ý thì làm sao nói ra lời được. Như vậy, không nói lời ác là tự nơi ý đã không ác rồi. Tương quan giữa lời nói và ý mật thiết như vậy. Do đó, hễ tránh được ý ác thì sẽ không có nói ác.

Điều quan trọng là phải tránh từ ý để không gây ra nghiệp và cả khẩu nghiệp, chớ lời nói thì khi cần con người vẫn phải nói. Nhưng cần đây là cần những gì?

Phàm con người ai cũng thích nghe lời nói êm tai, lời nói thiện lành. Cái mà con người cần, đó là lời nói nho nhã, thanh tao, ngay thẳng thật thà, thương yêu đoàn kết, an ủi lẫn nhau, v.v.

Vậy để vừa lòng người cũng như thuận lòng Trời (thuận như tâm ất thuận Trời), người tu nếu cần phải nói thì nên nói những gì có đạo lý, thiện lành và nên tránh những lời nói ác.

Thầy có dạy rằng:

“Nho nhã con tua tập tánh tình.
Ở đời đừng tưởng một mình lành.
Một câu thất đức thiên niên đọa
Nhiều nỗi trầm luân bởi ngọn ngành.”

Chỉ một câu thất đức thôi là có thể bị đọa đến cả ngàn năm. Vậy nói thất đức, nói ác làm chi để phải bị trầm luân; Nói ác là nên tránh. Tránh được nói ác cũng là một bước trọng 10 bước tiến tu lên Thập Thiện.

Muốn đạt đến Thập Thiện để siêu thăng, trước tiên người tu phải giữ giới cấm, đừng thất ác vì trong Ngũ Giới Cấm của Đại Đạo có đến 8 điều cấm chớ không phải chỉ có 5 thôi.

Đừng thất ác là bước đầu để hành trì thất thiện.

Thất thiện đó là:

- 1.- Thay vì sát sanh, nên phóng sanh.
- 2.- Thay vì trộm cắp, nên bố thí.
- 3.- Thay vì tà dâm, nên giữ trong trắng, trinh bạch.
- 4.- Thay vì nói láo, nên nói thật.
- 5.- Thay vì nói thêm bớt, thêu dệt, nên nói ngay thẳng, trung chính.

6.- Thay vì nói đâm thọc, nên nói lời hòa hợp, đoàn kết.

7.- Thay vì nói lời độc ác, nên nói nho nhã, thanh tao, thiện lành, thương yêu hòa ái, an ủi người.

Còn ba thiện nữa là phải tránh tam độc: tham, sân, si (tà kiến). Tam độc này rất khó tránh, dù vậy cũng tránh được.

Trong Kinh Cơ Đại Đạo cũng có dạy.

Để có thể tránh tam độc, hoàn thành tam thiện cuối cùng, điều quan trọng là **người tu phải cố gắng trước tiên hành trì tam thiện về thân và tứ thiện về ngôn**. Đặc biệt về ngôn, người tu nên thận trọng cẩn ngôn và luôn luôn nhớ rằng:

“Đạo bản vô ngôn
Ngôn sinh lý tán
Ngôn ngữ Đạo đoạn”

BACH-Y

Chuyên Đề: TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI

BÀI ĐỌC THÊM số 5:

NGUYÊN NHƠN - HÓA NHƠN - QUỴ NHƠN

(Trích lược từ Sơu khảo của Tác giả Đức Nguyên - Cao Đài Tự Điển)

* * *

Nhơn loại được chia làm 3 hạng người:

- Nguyên nhơn (The man of the original soul; Created being.)
- Hóa nhơn (The man of the impure soul /or-The man of the soul in process of evolution / or- The being of evolution.)
- Quĩ nhơn. (The man of the perverse soul /or- Perverse being)

CG PCT: (1) “Nhơn loại có: Hóa nhân, Quĩ nhơn và Nguyên nhơn, ấy là có phân đẳng cấp, nếu Thầy dùng huyền diệu Thiên liêng mà làm cho nhơn loại cả thầy đều thấy đặng cơ màu nhiệm của Đạo, đồng đặng đặc kiếp, thì phẩm vị thiên liêng cũng không còn trật tự.”

....“Vật chất hữu sanh, Thảo mộc hữu sanh, Cầm thú hữu sanh, Nhơn loại hữu sanh, tức là Chúng sanh. Trong Chúng sanh có Nguyên sanh, Hóa sanh, và Quĩ sanh.”

(Nguyên sanh là gốc từ khai Thiên đã có.

Hóa sanh là khai Thiên rồi mới biến hóa ra.

Quĩ sanh là hai phẩm kia phạm Thiên Điều bị sa đọa.)

Tỷ như Nguyên nhơn là khai Thiên rồi thì đã có Chơn linh ấy, còn Hóa nhân là Chơn linh vật loại đoạt đến phẩm vị nhơn loại, còn Quĩ nhân là hai Chơn linh kia xu hướng ác hành mà bị đọa đày vào Quĩ vị.”

.....“Chơn linh các Nguyên nhân bị đọa trần, Quĩ nhơn chuộc tội, hay là Hóa nhân thăng cấp đều nhờ Thượng Sanh độ rỗi (Ấy là Thế độ) nên Thượng Sanh làm chủ của Thế đạo, nắm luật Thế nơi tay mà diu dắt cả chúng sanh vào cửa Đạo.”

I- NGUYÊN NHƠN.

Nguyên nhơn là người mà linh hồn được Đức Chí Tôn sanh ra từ lúc mới tạo dựng Trời Đất, tức là từ lúc khai Thiên, những linh hồn này rất trong sạch, chưa nhiễm bụi trần.

Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, trong bài giải thích về Chèo Thuyền Bát Nhã, có đoạn nói về 100 ức Nguyên nhân giáng trần như sau đây:

“Đức Diêu Trì Kim- Mẫu vâng lệnh Đức Thượng Đế nhóm ngự triều, đại hội nơi Kim Bồn, phòng định cho 100 ức

Nguyên nhơn xuống trần, dùng Ngọc Lộ Kim Bàn trụ các Nguyên nhơn cho xuống thế.

Trước khi ấy, Đức Diêu Trì Kim Mẫu kêu toàn cả Linh căn chơn tánh dự Hội yến Bàn đào, và ban cho mỗi vị một cái túi gọi là Vạn Bửu Nang, trong đó có 8 món báu là: Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sỉ, và căn dặn khi xuống trần thế, rùi mất một món là về cùng Mẹ không dặng.

Phật Mẫu dùng Bát Nhã Thuyền chở toàn Linh căn và 8 món báu ấy đưa xuống lập đời.

Có bài kệ rằng:

Linh căn ngày đó xuống trần ai,
Cái cái vui mừng nhập Mẫu thai.
Vì mất Bửu Nang, mẹ nghiệp hải,
Làm sao tình đặng trở hồi lai?

Bên kia có Đại Tiên hiệu là Cù-Tán-Đờm hay là Kim Quang Sứ, thấy Phật Mẫu cho Chơn linh xuống trần, thì ông cũng xuống trần, và có dẫn theo 5 Chơn linh quý vị biến thành:

- 1- Kim là tiền bạc,
- 2- Mộc là sắc đẹp,
- 3- Thủy là rượu ngọt,
- 4- Hỏa là sự nóng giận,
- 5- Thổ là nha phiến.

Mỗi Chơn linh Quý vị đều biến ra 5 mùi vị khác nhau cho các Nguyên căn say mê mà quên cả Bửu nang.

Con người lớn lên, thấy tiền thì ham, thấy sắc lịch thì mê, thấy rượu ngọt thì ưa, mà nó giục cho con người nóng giận và say mê nha phiến, chước quỷ mưu tà hằng xúi giục, bày ra muôn sự khoái lạc nơi trần khổ chẳng xiết, nên các Linh căn, vì lưu luyến hồng trần, vui say mùi vị thế gian mà quên nguồn cội.

Bởi thế cho nên Thánh nhân ra đời lập Tam Giáo Đạo, cũng qui tụ căn bản trong 8 món báu để tỉnh giấc.

- Phật giáo dạy phải chọn Tam Qui Ngũ giới.
- Tiên giáo dạy phải vẹn Tam nguyên Ngũ hành.
- Thánh giáo dạy phải gìn Tam cương Ngũ thường.

Để thức tỉnh các Linh căn nhớ nguồn cội 8 món báu ấy mà về, ai được may duyên sớm ngộ Đạo mới lên Bát Nhã Thuyền mà trở về cội vị, đúng như bài thi Đức Chí Tôn đã dạy rằng:

Khuôn thuyền Bát Nhã chẳng hề chìm,
Nổi quá như bông, nặng quá kim.
Có Đạo trăm muôn ngời cũng đủ,
Vô duyên một đũa cũng là chìm.

1- Thời kỳ Thánh Đức: Sơ khai Long Hoa Đại Hội, Đức Di-Lạc, kiếp Tiên vị mệnh danh là Hoàng Cực Chủ Nhơn lãnh lĩnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu hay là Thiên Hậu buổi nọ. Ngài làm chủ Thuyền Bát Nhã chở các Nguyên nhơn xuống thế, lần đầu 24 chuyến thuyền, 02 lần sau mỗi lần 06 chuyến, đúng như Quyển Kinh thứ nhứt và thứ nhì của Ngọc Lộ Kim Bàn.

Ngươn Thánh đức gọi là Nhứt kỳ Phổ độ:

- Giáo chủ Đạo Phật : Nhiên Đăng Cổ Phật.
- Giáo chủ Đạo Tiên : Thái Thượng Lão Quân.
- Giáo chủ Thánh Đạo : Văn Tuyên Đế Quân.

Các vị Giáo chủ đã sáng khai nền Đạo, lập thành Qui điều luật pháp, an ninh trật tự cho nhơn loại tiến bước trên đường tu tỉnh. Đức Chí Tôn, Ngài mới dạy: Khai Long Hoa Đại Hội Nhứt kỳ nên có câu: “Sơ Hội Long Hoa, Thanh Vương Đại Hội, Nhiên Đăng Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn.”

Đức Nhiên Đăng làm chủ Hội, điểm Đạo chỉ có 06 ức Nguyên nhơn đặc Đạo.

2- Nhi kỳ Phổ Độ: Thời kỳ Văn minh tiến hóa ấy mới nổi danh trong Tam giáo.

- Phật thì có Thích Ca làm Giáo chủ,
- Tiên thì có Đức Lão Tử làm Giáo chủ,
- Thánh thì có Đức Khổng Phu Tử làm Giáo chủ.
- Sau 551 năm, Ngài cho Đức Chúa Jêsus Christ giáng sanh, cũng đời Nhị kỳ.

Sau khi lập thành Luật pháp Qui điều, Ngài mới khai Long Hoa Nhị kỳ Phổ độ, có câu: “Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội Di-Đà Cổ Phật Chương giáo Thiên Tôn.”

Đức Di-Đà làm chủ Hội, điểm Đạo được 02 ức Nguyên nhơn, đoạt pháp phần nhiều là môn đồ của Lão Tử đắc Đạo. Còn 92 ức Nguyên nhơn luống chịu đọa trần.

3- Thời kỳ Hạ Nguyên Mat kiếp: Tức là thời kỳ Qui cổ, chính mình Đức Chí Tôn giáng trần dùng huyền diệu Cơ bút để Tam Trấn Oai Nghiêm thay cho Tam giáo lập Đạo Vô Vi, không hình thể như trước, gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- Đức Phát Quan Âm chương quản về Phật giáo.
- Đức Lý Thái Bạch Tiên Trưởng chương quản Tiên giáo.
- Đức Quan Thánh Đế Quân chương quản về Thánh giáo, gọi là Nho Tông Chuyển thế.

Nhơn thời Hạ Nguyên này, do Cơ bút mà biết được Nguyên nhơn đắc Đạo trong 02 kỳ trước. Những Nguyên nhơn đắc Đạo đến tình nguyện nơi Ngọc Hư Cung giáng trần, chịu mạng lịnh nơi Đức Di-Lạc Vương Phật lo cứu rỗi 92 ức Nguyên nhơn còn say đắm nơi cõi trần.”

Đây là kỳ Phổ độ chót, trước khi chấm dứt một chu kỳ tiến hóa của nhơn loại, nên Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá cho toàn cả nhơn loại, nếu ai biết ngộ kiếp một đời Tu thì đủ trở về cùng Chí Tôn và Phật Mẫu.

II- HÓA NHƠN:

Hóa nhơn là người do sự tiến hóa của vật loại lên đến phẩm nhơn loại mà thành. Họ phải bắt đầu đi từ Kim thạch, tiến hóa lên Thảo mộc, rồi Thú cầm, và sau rốt tiến hóa lên phẩm Người thành Hóa nhơn, hưởng được hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho một điểm Linh quang, để dự vào Trường thi Công quả.

Phần lớn nhơn loại đều là Hóa nhơn.

Nguyên nhơn và Hóa nhơn khác nhau ở chỗ nào?

- Nguyên nhơn có Linh hồn từ lúc khai Thiên, có sẵn ngôi vị nơi cõi Thiêng liêng, trực tiếp đi từ cõi Thiêng liêng giáng sanh xuống cõi trần, mục đích để học hỏi và tiến hóa, để trở về ngôi vị cũ hay được gia tăng phẩm vị nơi cõi Thiêng liêng.

-Hóa nhơn là do vật loại tiến hóa đi lên, khi đến phẩm Người thì Đức Chí Tôn mới ban cho Linh hồn để tiếp tục tiến hóa lên các phẩm cấp cao hơn. Hóa nhơn không có ngôi vị nơi cõi Thiêng liêng vì mới lên phẩm Người. Mục đích của Hóa nhơn là tiếp tục học hỏi và tiến hóa để đạt được phẩm vị cao trọng nơi cõi Thiêng liêng.

Khi Hóa Nhân đã có phẩm vị cao trọng rồi thì bây giờ Hóa nhơn cũng giống như Nguyên nhơn, đều có phẩm vị cả. Lúc đó muốn đầu kiếp xuống trần để học hỏi và tiến hóa nữa thì Hóa nhơn cũng giống y như Nguyên nhơn mà thôi.

Theo lời dạy của Bát Nương trong Luật Tam Thể thì:

Các Nguyên nhơn phạm Thiên điều thì bị đọa Tam đồ Bất Năng Thoát tục, còn Hóa nhơn phạm tội thì bị đọa vào Quỷ vị.

“Kiếp Hóa nhơn thì về Quỷ vị, còn kiếp Nguyên nhơn phải bị đọa đầy như vậy mới sánh với Quỷ vị được chớ. Đó là Luật Thiên điều đã định, dầu cho Nguyên nhơn hay Hóa nhơn cũng đồng hình phạt, lẽ công bình là đó.”

III- QUỖ NHƠN:

Quỷ nhơn là các Quỷ hồn đầu kiếp lên làm người.

Quỷ Vương cho các Quỷ hồn trong Tam thập lục động Quỷ đầu thai lên cõi trần, đặng tạo thành bài vở cho các Nguyên nhơn và Hóa nhơn học hỏi, đồng thời khảo đảo dữ dội để phân biệt kẻ Phạm người Thánh.

“Vì cố cho nên, các Nguyên nhơn mà tội lỗi cũng phải đến cõi Phong Đô chịu sự giáo hóa mà định trí định thân, rồi chuyển kiếp nữa, chớ chẳng hề vì Quỷ Vương mà tiêu diệt cho đặng.”

“Các Nguyên nhơn xuống trần là để học hỏi về Cơ Tấn Hóa, nên họ không có nhiệm vụ về Giáo hóa. Các Đấng xuống mở Cơ Giáo hóa, không ở trong số 100 ức Nguyên nhơn của Chí Tôn đã cho xuống trần từ buổi Thượng Nguyên.

Hóa nhơn là những người đi từ vật chất lần đến loài người và đoạt phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, do nơi công quả tạo nên.

Chỉ có Hóa nhơn phạm tội tình mà trở thành Quỷ nhơn.”

TĐ. ĐPHP: (2) Trong Lễ Hội Yến Diêu Trì ngày 15-8-Tân Mão (1951):

“Trong Tám phẩm chơn hồn (Bát hồn) ấy xuất hiện nơi Kim Bàn, do theo luật Thiêng liêng của Đức Chí Tôn đã định,

thì họ phải từ từ tăng tiến mãi, cái luật tăng tiến ấy nó buộc ta, mỗi kiếp sanh, đều kiểm phương tu, đặng chi? Đặng tạo Thiêng liêng vị cho chúng ta.

Các đấng Chơn hồn ấy, khi đạt đến nhơn phẩm rồi chia ra 02 phẩm hồn đặc biệt, ở trong vật loại tăng tiến lên đạt nhơn phẩm của mình gọi là Hóa nhân; các Chơn hồn ở trong Kim Bàn đã xuất hiện với địa vị nhơn phẩm của mình gọi là Nguyên nhơn.

Hai phẩm hồn ấy, nếu không noi theo đạo đức đặng từ từ bước lên con đường Thánh đức của mình, đặng đạt cho tới địa vị cuối cùng là Phật vị, lại làm tội lỗi thì phải sa vào Quỷ vị.

Ấy vậy, phần người có: Nguyên nhân, Hóa nhân, Quỷ nhân. Hai thay, 100 ức Nguyên nhân do Đức Chí Tôn đã để lại mặt thể này, đặng làm bạn với các đấng Chơn hồn trong Vạn linh sanh chúng của Ngài đã đào tạo thì Phất vị có 06 ức, Tiên vị có 02 ức, còn 92 ức Nguyên nhân bị đọa trần.

Từ ngày Đạo bị bế, họ có làm công tu hành mà thành thì không thành. Tội nghiệp thay, vì 92 ức Nguyên nhân ấy mà chính mình Đức Chí Tôn phải giáng trần mà lập nền Chơn giáo của Ngài. Chúng ta đã ngó thấy cái Thánh ân, đặc biệt hơn hết là Đức Chí Tôn đã thấy rõ ràng: Các Nguyên nhân ấy không phương gì tự giải thoát đặng vì quá tội tình, quá mê luyến hồng trần, hoặc đào tạo quả kiếp nặng nề quá đỗi, vì có cho nên tu thì có tu mà thành thì không có thành, tức nhiên từ ngày Đạo bế thì cơ siêu thoát đã mất tại mặt thể này.

Chính mình Đức Chí Tôn biết rằng không thể gì các Nguyên nhân tự mình đạt cơ giải thoát đặng.

Hôm nay, Ngài đến lập nền Chơn giáo của Ngài. Chúng ta đã thấy rõ lòng yêu ái vô tận của Ngài là thế nào? Chúng ta thử suy đoán, không ai nói cho mình nghe hơn Mẹ của mình, không ai dạy dỗ mình có oai quyền hơn Mẹ của mình. Cái tình trạng ấy đối với mặt thể chúng ta thế nào thì quyền năng nơi cõi Thiêng liêng Hằng Sống như in, không mấy may chỉ khác.

Ngài lập Giáo rồi còn một nỗi là kêu nó không đến. Ngài dạy mà không biết chi. Chính mình Ngài đã nhiều lần hạ trần lập Đạo, mà 92 ức Nguyên nhơn vẫn đui và điếc mà thôi, không biết để chun vào lòng yêu ái vô tận của Ngài, đặng hưởng cái hạnh phúc vô biên của Ngài đã đào tạo.

Vì có cho nên, Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu cơ quan siêu thoát ấy, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức Nguyên nhân trở về cữu vị.

Muốn cho đạt đặng Bí pháp siêu thoát ấy, chúng ta ngó thấy Đức Phất Mẫu đã làm gì? Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu nắm quyền hành để rước hết những Chơn hồn khi đã đạt pháp, tức nhiên đạt cơ siêu thoát, lập vị mình đặng vào cái địa vị Thiêng liêng, đạt đặng thì phải về Hội Yến cùng Đức Phật Mẫu.

Lễ Diêu Trì Cung Hội Yến mà người ta gọi là Hội, nhưng thật ra chúng ta về hội hiệp vui cùng Mẹ Sanh của chúng ta đó vậy.”

***Chú Thích:** (Ban Điều Hợp)

- (1) CG.PCT: Viết tắt của “Chú Giải Pháp Chánh Truyền” (Quyển Pháp Chánh Truyền Chú Giải, Phần Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh xuất bản Năm Bính Ngọ - 1966)

- (2) TĐ.ĐPHP: Viết tắt của “Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp”.
